

NGUYỄN TRÃI

*biên-soạn*

LÊ THÁI-TỎ

*dề tựa*

# LAM SON THỰC-LỤC



TÂN VIỆT

NGUYỄN TRÃI

BIÊN-SOẠN

LÊ THÁI-TỔ

ĐỀ TỰA

# LAM - SƠN THỰC LỤC

(Truyện Lê Thái-tổ khởi nghĩa ở Lam - sơn)

BẢN DỊCH CỦA MẠC BẢO THẦN

IN LẦN THỨ BA

(Sửa-chữa cẩn-thận)

*Tài-liệu lịch-sử  
cuộc giải-phóng dân-tộc Việt-nam*

**TÂN VIỆT**

1956

Kính tặng

**Nguyễn văn Tố tiên-sinh**  
*để tỏ lòng cảm-tạ Tiên-sinh*  
*đã chỉ-bảo và giúp-đỡ cho*  
*trong khi lượm-nhặt tài-liệu:*

**Bảo Thần**

## TỰA

*(Khi sửa lại bộ Lam-son thực lục)*

Vua Thái-tổ Cao-Hoàng-đế của ta, ừng Trời, thuận người, nhân thời mở vận, khởi nghĩa ở núi Lam, quét thanh lũ giặc Minh. Kịp khi Kiên-khôn đã trở lại như cũ, Vũ-trụ đã thay-đổi sang mới, khi ấy mới làm sách « Thực lục ». Trong đó : nào ý trời xui-khiến ; nào việc người chăm-nom ; nào vì nghĩa cất quân ; nào ra nguy vào hiểm ; nào khi lấy ít địch nhiều ; nào khi lấy thực đánh hư ; nào khi làm giấy tờ phản-gián để quấy-rối tình giặc ; nào khi lấy lời-lẽ phủ-du để yên-ủi lòng dân. Rồi ra, trăm trận đánh, trăm trận thắng, để có được thiên-hạ. Cùng với : bài đại-cáo khi bình giặc Ngô, đều là những lời trung, nghĩa, trí, dũng ; lẽ phải-chăng dạy lại con-cháu, đều là những đạo tu, tề, trị, bình... Xét ra những việc mà chính mình Nhà Vua đã làm, không việc gì là không chép đủ. Bộ sách này, cốt ý bày-tỏ sự khó-khăn về việc gây-dựng nghiệp đế, bảo cho con-cháu được biết, để làm của báu gia-truyền mãi mãi ; há những chỉ là khoe-khoang tài võ như thần, tài văn như thánh mà thôi đâu ! Phiền nổi thế-đạo giữa chừng sa-sút, mà bộ sách này cơ-hồ bị ngọn-lửa tàn-ác đốt cháy, trong hồi lấn-ngôi, cướp nước. Thế nhưng

công-đức ở trong Trời Đất nào phải không còn ; lẽ phải ở trong lòng người có mất sao được ?

Tới đức Hoàng-đế Bê-hạ ngày nay, sớm chịu mệnh trời, nối giữ nghiệp bâu ; đức, nghĩa, ngày một tiến ; sức học ngày một cao ; thực là nhờ chúa Công-đức Nhân-Uy-Minh-Thánh Tây-Vương, lĩnh chức Đại-nguyên-soái, Chương-quốc-Chính, Thái-sư, Thượng-phụ, có công nuôi-nấng, đức-hun, giúp-đỡ, gầy-dựng ; ghi-nhớ ơn đức của Tiên-vương, sửa-sang giếng-mới của lễ-nhạc, để làm cội-gốc cho việc nưong-tạ, phù-tri ; chuyên ủy cho chúa Định Nam-Vương lĩnh chức Nguyên-soái Điền-quốc-chính, duy trì danh-giáo, gây nên thái-bình. Cùng các quan thân-thần, huân-thần, giảng cầu đạo trị nước. Dở coi sách-vở, nhìn vào tục cũ, thấy đấng Tiên-tổ dựng nghiệp thật là khó-khăn ; được nước thật là chính-dàng ; từ khi nước Việt ta lập thành nước đến giờ, chưa từng có việc như thế. Nếu chỉ coi xem qua-loa, mà không kén-lựa những điều cốt-yếu, thì sao có rõ-rệt được nền công-đức trăm đời không thể dời-đổi, mà khiến cho muôn thủa còn như trông thấy trước mắt được ? Bèn nhân những ngày rỗi, thường với quan Tề-tướng cùng các nho-thần bàn đến việc kinh-doanh nghiệp lớn của các bậc đế-vương tự đời xưa. Cho là bản sách cũ tuy có sao chép lại, thỉnh-thoảng còn có chỗ lẫn sót, chưa dễ hiểu cho hết. Vậy nay muốn soạn lại cho thật kỹ-lưỡng, thuần-túy, dùng đề khắc vào bản gỗ, ngõ hầu công-nghiệp của bậc Tiên-đế lại sáng tỏ với đời ! Bèn sắc chúng tôi, tham-khảo với bản chép cũ của các nhà mà sửa-sang lại : làm thì chữa ; sót thì bù ; đề đọc coi cho tiện, truyền-bá cho rộng.

Chúng tôi vâng lĩnh lời vàng, đầu dảm không gia công tìm-tôi, chấp-vá, sắp lại thành sách, kính chép dâng lên, để đời tri sáng-suốt coi tới. Được cho tên

là bộ « Lam-sơn thực-lục sửa lại ». Lập tức sai thợ mộc khắc bản, để lại lâu-dài. Khiến cho trong thiên-hạ, ai ai cũng biết đến đức Tiên-đế ; công lấy lại nước ở tay giặc Ngô, còn trội hơn là việc trừ quân tàn-bạo của Hán Cao ; ơn cứu được dân khỏi vòng nước lửa, nào có kém gì việc chữa nạn lụt-lợi của Hạ Vũ. Ôn-đức ngai chót-vót như núi Kiền, núi Thái ; công-nghiệp ngai rực-rỡ như mặt trăng, mặt trời. Than ôi ! Người chép bộ sách này, nào phải như kẻ viết *Lĩnh-nam trích quái*, bày ra những chuyện hoang-dường ; như kẻ viết *Việt Điện u-linh* góp lại những lời quái-gở ! Chỉ là ghi lại những việc thực, để cho ngôi nước được chính, nghiệp vua được rõ mà thôi ! Rồi đây sẽ thấy huân-nghiệp của Tô-tông chói-lọi ở trên tờ ngọc ; công-lao của Tô-tông sáng ngời để giữa sách vàng ! Công ấy, đức ấy, thường rực-rỡ với nghìn, muôn đời vậy. Bèn viết để làm lời tựa.

**Khi ấy là ngày tốt-lành, tháng cuối Xuân, năm đầu niên-hiệu Vĩnh-trị.**

*Đặc-tiến Kim-Tử Vinh-Lộc Đại-phu, Tham-tụng, Công-bộ Thượng-thư, kiêm Đông - các Đại-học-sĩ, coi việc chép Quốc-sử, Duệ-quận-công, Thượng-tru quốc, tôi là Hồ sĩ Dương.*

*Gia-Tĩnh đại-phu, Bồi-tụng, Lại-bộ Tả-thị-lang, vào hầu việc Giảng Sách. Sử - quán Đô-tổng-tài, tôi là Đặng công Chất.*

*Quang-Tiến Thận-lộc đại-phu, Bồi-tụng, Lại-bộ Hữu thị - lang vào hầu việc Giảng Sách, Sử-quán Tổng-tài, Lại-An-nam, tôi là Đào công Chính.*

*Triều-Liệt Đại-phu, Tham-Chính trong ty Tán-trị Thừa-chính ở các xứ Sơn-nam...., Sử - quán Toàn tu, tôi là Thiệu sĩ Lâm.*

*Mậu Lâm-lang, Bồi-tụng, Đông-các Hiệu - thư, Sử-quán Phó Toàn-Tu, tôi là Nguyễn công Vọng.*

Mậu Lâm-lang, Hiến-sát-sứ ở ty Hiến-sát-sứ, coi các xứ Nghệ-an.... Sĩ-quân Phó Toàn-Tu, tôi là Lê hùng Xưng.

Nội-sai Thái-giám trong Thị-Nội giám, Tư-Lê giám, Lĩnh-Xuyên hầu, tôi là Phạm thế Vinh ;

Nội-sai Hữu-đề-điền trong Tư-Lẽ giám, Khoan-Thái-bá, tôi là Phạm đình Liêu.

Cùng vàng sắc coi việc sửa sách.

Trị trung trong sở Thủ-hợp Thị-Nội Thư-tả tôi là Ngô thực Đức ;

Chính tự trong sở Thủ-hợp Thị-Nội Thư-tả tôi là Hàn Tung ;

Huyện-thừa trong sở Thị-Nội Nhưng Thư-tả tôi là Nguyễn Luân ;

Tự-thừa trong sở Thị-Nội Nhưng Thư-tả tôi là Nguyễn dăng Doanh ;

Huyện-thừa trong sở Thị-Nội Nhưng Thư-tả tôi là Lê tiến Nhân ;

Sứ coi sở Thị-Nội Nhưng Thư-tả tôi là Lê duy Lương ;

Huyện-thừa trong sở Thị-Nội Nhưng Thư-tả tôi là Nguyễn dăng Khoa ;

Cùng vàng sắc viết ;

Thợ mộc, người các xã Hồng-lục, Liêu - chàng vàng sắc khắc bản in.

# TỰA CỦA VUA LÊ THÁI - TỒ



# 序

朕惟物本乎天人本乎祖譬如木水必有根源是以自古帝王之興若商之始於有娥周之始於有邰蓋其本盛則葉茂源深則流長非先世之仁恩之所培者厚慶澤之所鐘者洪安能若是哉朕遭時多難開創尤難幸而天與人歸功業有成者實由祖宗積德累仁之所致也朕念之弗已乃筆于書目曰藍山實錄所以重其本始之義亦以叙朕艱難之業以示子孫云

示字上道一垂字

皆

順天肆年仲冬月穀日藍山峒主序

## DỊCH ÂM

*Trâm duy : Vật bản hồ Thiên , nhân bản hồ Tô. Thủy như mộc, thủy, tất hữu căn, nguyên. Thị dĩ tự cồ Đế-vương chi hưng, nhược Thương chi thủy ư Hữu Nhung ; Chu chi thủy ư Hữu Thai... Cái kỳ bản thịnh tắc diệt mậu : nguyên thâm tắc lưu trường. Phi Tiên-thế chi nhân-ân chi sở bởi giả hậu, khánh trạch chi sở chung giả hồng, an-năng nhược thị tai ?*

*Trâm tao thị đa nạn, khai sáng vu nan ! Hạnh nhi Thiên dĩ, Nhân quy, công-nghiệp hữu thành giả, thực do Tô - tông tích dĩc lũy nhân chi sở tri dã ! Trâm niệm chi phát dĩ, nãi bút vu thư, mục viết « Lam-son thực lục », sở dĩ trọng kỳ bản thủy chi nghĩa. Diệc dĩ tự Trâm gian-nan chi nghiệp, dĩ thủy thị Tử-lôn vân.*

*Thì*

*Thuận-thiên lý niên, trọng Đông - nguyệt, cốc nhật.*

*Lam-son động-chủ, tự.*

## DỊCH NGHĨA

Trẫm nghĩ : Vật gốc từ Trời, người gốc từ Tồ. Vì như cây và nước, tất có gốc, nguồn. Bởi vậy, từ xưa các dòng Đế-vương nổi lên, như nhà Thương, bắt đầu từ Hữu Nhung ; nhà Chu, bắt đầu từ Hữu Thai... Vì rằng : gốc thịnh thì là tốt ; nguồn sâu thì dòng dài. Nếu không phải nhờ ở nhân-ân bồi-đắp được giầy-dặn, phúc-đức chung-đức được lớn-lao của các Đời-Trước, thì đâu có được như thế?

Trẫm gặp đời nhiều hoạn-nạn, mở nước, dựng nền, càng thấy khó-khăn ! May mà Trời cho, Dân theo, gầy nên được công-nghiệp, ấy thực là nhờ ở các bậc Tồ-tông tích-lũy mãi nhân - đức, mà đi tới cả ! Trẫm nghĩ về chuyện đó mãi bèn chép vào sách, gọi là « Lam-sơn thực lục » (Sách ghi chuyện thực núi Lam) cốt là đề trọng nghĩa đầu gốc. Và cũng đề kể rõ sự-nghiệp gian-nan của Trẫm, truyền-bảo lại cho con-cháu vậy.

Khi ấy là :

Ngày tốt, tháng giữa Đông, năm thứ-tu hiệu Thuận-thiên.

Chúa động Lam-sơn đề tựa.

LAM - SƠN THỰC LỤC

## Cuốn thứ nhất

Đức Tăng-tổ nhà vua, họ Lê, tên húy là Hối người thôn Như-áng, huyện Lương-giang (tức là huyện Ngụy-nguyên ngày nay) phủ Thanh-hóa. Tính trời chất-phác, ngay-thẳng, giữ mình như kẻ ngu; thấy rõ việc từ lúc chưa xảy ra; biết sâu mà lo xa. Lấy bà là Nguyễn-thị Ngọc Duyên, (người trại Quần-đội huyện Lôi-dương); làm nghề *ông thày*.

Có một hôm Ngài đi chơi, thấy các loài chim liệng quanh ở dưới ngọn Lam-sơn, như vẽ đồng người hội-hợp, liền nói rằng: « Chỗ này tốt đấy! » Nhân dời nhà tới ở đấy.

Thế rồi dọn gai-góc, mở ruộng - nương, chinh mình siêng-năng việc cây-cấy. Qua ba năm mà gây nên sản-nghiệp. Con-cháu ngày một đông; tới-tớ ngày một nhiều. Việc dựng nước, mở đất, thực gây nên từ đấy. Từ đó, đời đời làm chúa một miền.

Đức Hoàng-tổ húy là Đinh, nối được nghiệp nhà, đề kế chí người trước. Hiền-hòa để trị dân; khoan-nhân mà thương người. Gần, xa đều đem lòng phục, càng ngày càng mến, theo dần. Bèn có đến hơn nghìn người dân.

Bà là Nguyễn thị Khoác, giữ nhà bằng cách siêng-năng, tần-tiện, tinh-nết rất hiền. Trong chốn buồng the, giúp-đỡ ông được nhiều việc lắm. Sinh hai con : trưởng là Tông, thứ là Khoáng.

Khoáng tức là đức Hoàng-Khảo sinh ra Nhà-vua. Tính ngài hòa-nhã, hiền-lành, vui-vẻ, thích làm việc thiện. Chiều-dãi khách-khứa, yêu-thương nhân dân. Phàm kẻ đói-khó, túng-thiếu, ốm-đau, chết-chóc, tất là Ngài có chu-cấp giúp-đỡ. Những dân ở hạt láng-giềng, coi cũng như người một nhà. Vì thế mọi người không ai là không cảm Ngài về ơn-đức mà phục Ngài về nghĩa-khi.

Bà là Trịnh-thị Ngọc Thương, lại chăm-chỉ về đạo đàn-bà : thờ cha, mẹ hết lòng hiếu-kính ; dãi họ-hàng có ơn ; dạy con, cháu, lấy lễ. Buồng the hòa-thuận, đạo nhà ngày một thịnh thêm. Sinh ba con trai : trưởng là Học, thứ là Trừ, út tức là Nhà-vua.

Học nối nghiệp ông cha truyền lại, chẳng may *ngắn số*. Nhà vua kể nghiệp cha, anh, không dám để sa-sút ; suy-nghĩ sâu-sắc, sao cho nối chí, noi việc, trọn được đạo thường !

*Nguyên xưa lúc Nhà-vua chưa sinh, ở xứ Du-son trong làng, dưới cây rừng quế, thuộc thôn sau Như-áng, thường có con hổ đen, thân nhau với người, chưa hề làm hại ai ! Đến giờ Tý ngày mồng sáu tháng Tám năm Ất-sửu sinh ra Nhà-vua từ đó không thấy con hổ đâu ! Người ta cho là chuyện lạ, (1)*

Lúc sinh Nhà-vua có ánh-sáng đỏ đầy nhà, mùi hương đầy xóm. Lúc nhỏ, tinh-thần và vẻ người coi

(1) Xem lời văn chữ Hán, đoạn này khác hẳn với đoạn trên, chắc của người sau thêm vào. (*Dịch-giả chú*)

rất mạnh-mẽ, nghiêm-trang ; mắt sáng ; miệng rộng ; mũi cao ; mặt vuông ; vai trái có bầy nốt-ruồi ; đi như rồng ; bước như hồ , tóc, lông đầy người, tiếng vang như chuông ; ngồi như hùm ngồi ! Kẻ thức-giã biết là bậc người cực sang ! Kịp khi lớn, thông-minh, khôn, khoẻ, vượt hẳn bọn tầm-thường ; làm Phụ-đạo làng Khả-lam.

Khi ấy Nhà-vua sai người nhà cày ruộng ở xứ Phật-hoàng động Chiêu-nghi. Chợt thấy một nhà sư già, mặc áo trắng, từ thôn Đức-tề đi ra, thở dài mà rằng :

— Quý-hóa thay phiên đất này ! Không có ai đáng dấn !

Người nhà thấy thế, chạy về thưa rõ với Nhà-vua, Nhà-vua liền đuổi theo tìm hỏi chuyện đó.

Có người báo rằng :

— Sư-già đã đi xa rồi.

Nhà-vua vội đi theo đến trại Quân-đội, huyện Cồ-lôi, (tức huyện Lôi-dương ngày nay) thấy một cái thềm tre, đề chữ rằng :

Thiên đức thụ mệnh.

Tuế trung tứ thập.

Số chi dĩ định,

Tịch tại vị cập.

Nghĩa là :

« Đức trời chịu mệnh,

« Tuổi giữa bốn mươi !

« Số kia đã định,

« Chưa tới. . . tiếc thay ! »

Nhà-vua thấy chữ đề mừng lắm, lại vội vàng đi theo. Khi ấy có rồng vàng che cho nhà vua ! Bỗng nhà sư bảo nhà vua rằng :

— Tôi từ bên Lào xuống đây, họ Trịnh, tên là sư núi Đá-trắng. Hôm thấy ông khi-tượng khác thường tất có thể làm nên việc lớn !

Nhà-vua quý xuống thưa rằng :

— Mạch đất ở miền đệ-tử tôi sang-hèn ra thế nào xin thầy bảo rõ cho ?

Nhà sư nói :

— Xứ Phật-hoàng thuộc động Chiêu-nghi, có một khu đất chừng nửa sào, hình như quả quốc-ấn. Phía tả có núi Thái-thất, núi Chi-linh (ở miền Lão-mang) ; bên trong có đồi đất Bàn-tiên. Lấy thiên sơn làm án (ở xã An-khoái). Phía trước có nước Long-sơn, bên trong có nước Long-hồ là chỗ xoáy tròn ốc (ở thôn Như-ứng). Phía hữu nước vòng quanh tay Hồ. Bên ngoài núi xâu chuỗi hạt trai. Con-trai sang không thể nói được. Nhưng con-gái hiền có chuyện thất tiết. Tôi sợ con-cháu ông về sau, có thể phân cư. Ngồi vua có lúc Trung-hưng. Mệnh trời có thể biết vậy. Nếu thầy giỏi biết lảng lại, thì trung hưng được năm trăm năm.

Nhà sư nói rồi, Nhà-vua liền đem dực Hoàng-khảo táng vào chỗ ấy. Tới giờ Dần, về đến thôn Hạ Dao-xá nhà sư bèn hóa bay lên trời ! Nhân lập chỗ ấy làm điện Du-tiên. Còn động Chiêu-nghi thì làm am nhỏ (tức là nơi mộ Phật-hoàng). Đó là gốc của sự phát-tích vậy.

Khi ấy Nhà-vua cùng người ở trại Mục-sơn là Lê-Thận cùng làm bạn keo sơn. Thận thường làm nghề quặng chì. Ở xứ vực Ma-diện, đêm thấy đầy nước sáng như bó đuốc soi. Quặng chì suốt đêm, cả chẳng được gì cả. Chỉ được một mảnh sắt dài hơn một thước, đem về để vào chỗ tối. Một hôm



Thận cúng giỗ (ngày chết của cha mẹ) Nhà-vua tới chơi nhà. Thấy chỗ tối có ánh-sáng, nhận ra mảnh sắt, Nhà-vua bèn hỏi :

— Sắt nào đây ?

Thận nói :

— Đêm trước quảng chài bắt được.

Nhà-vua nhân xin lấy. Thận liền cho ngay. Nhà-vua đem về đánh sạch rỉ, mài cho sáng, thấy nó có chữ « Thuận-thiên », cùng chữ « Lợi ».

Lại một hôm, Nhà-vua ra ngoài cửa, thấy một cái chuỗi grom đã mài-dũa thành hình, Nhà-vua lấy trời khấn rằng :

— Nếu quả là grom trời cho, thì xin chuỗi và lưỡi liền nhau ;

Bèn lấy mảnh sắt lắp vào trong chuỗi, bèn thành ra chuỗi grom.

Tới hôm sau, lúc đêm, trời gió - mưa, sớm ngày mai, Hoàng-hậu ra trông vườn cải, bỗng thấy bốn vết chân của người lớn, rất rộng, rất to. Hoàng-hậu cả kinh, vào gọi Nhà-vua ra vườn, được quả ẩn báu, lại có chữ Thuận-thiên (sau lấy chữ này làm niên-hiệu) cùng chữ Lợi. Nhà-vua thàm biết ấy là của trời cho, lòng lấy làm mừng, giấu-giếm không nói ra. (1)

Khi ấy Hồ Quý Ly cướp nhà Trần, lấn ngôi vua, đổi hiệu nước là « Đại Ngu ». Lại làm nhiều điều lầm-lỡ về chính-trị, mấy lần đề thiếu các đồ cống.

---

(1) Cả ba đoạn « được đứt, được grom, được ẩn », lời văn đứt-nát, có chỗ không thành câu, chắc là của người sau thêm vào. (Dịch-giả chú)

Năm Giáp-ngọ (1414), thứ mười-hai hiệu Vĩnh-lạc (niên-hiệu của vua Thành-tổ nhà Minh), vua Minh sai bọn Trương Phụ, Mộc Thạnh, Trần Tri, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Lý Bàn, Phương Chính qua cửa ải lần chiếm nước ta.

Nhà-vua tuy gặp đời rối-loạn, mà chí giữ càng bền; lần đầu ở núi rừng làm nghề cày cấy; tự mình vui với Kinh, Sử, nhất là càng chuyên tâm về các sách Thao Lược; hậu-đãi các tàn khách; chiêu-nạp kẻ trốn, kẻ làm phản; ngầm nuôi các kẻ mưu-tri; bỏ của, phát thóc để giúp cho kẻ côi-cút, nghèo-nàn; hậu lễ, nhún lời, để thu bọn anh-hùng hào-kiệt; đều được lòng vui-vẻ của họ.

*Khi ấy có người thôn Hào-lương ở cùng huyện, tên là Đỗ Phú, tranh-dành với Nhà-vua, đem kiện với tướng giặc Minh. Viên quan khám-xét, cho lý của Nhà-vua là phải, xử cho được kiện. Đỗ Phú nhân lấy việc đó làm thù, bèn đem của đứt cho giặc Minh. Giặc Minh bức Nhà-vua. Nhà-vua cùng Lê Liễu chạy đến bên sông Khả-lam, bỗng thấy một người con-gái nằm chới, mình còn mặc chiếc áo trắng, cùng đeo thoa vàng, xuyên vàng. Nhà-vua cùng Liễu ngửa mặt lên trời khẩn rằng:*

*— Tôi bị giặc Minh bức-bách, xin phù-hộ cho tôi thoát nạn này, ngày sau được Thiên-hạ, xin lập làm miếu thờ, hễ có cỗ-bàn, cúng nàng trước hết!*

*Đắp mả chưa xong thì giặc xưa chó ngao đến. Nhà-vua cùng Liễu chạy vào bọng cây đa! Giặc lấy mũi giáo nhọn đâm vào, trúng vào vết bên tả của Liễu, Liễu bốc cát cầm ướt vào lưỡi giáo, chò khởi*

*có vết máu. Tự-nhiên bỗng thấy con cáo trắng chạy ra ! Chó nọo liền đuổi cáo. Giặc không ngờ bèn kéo đi. Nhà-vua mới được thoát (đến khi bình-định thiên-hạ rồi, phong vị thần Áo-trắng làm Hoảng-hưu Đại-vương ; phong cho cây đa làm Hộ-quốc Đại-vương ; tới nay dấu-tích ấy hãy còn.) (1)*

Từ đó tướng giặc ngày càng kiêu-kỳ, thế giặc ngày càng rộng-rõ ! Giam, giết kẻ trung-lương ; hành - hại bọn côi-cút. Trong nước than - phiền, nhân-dân không sao sống nổi ! Chinh-lệnh ngặt-nghèo, hình-phạt tàn-ác, không cái gì là chúng không làm. Cấm muối, mắm, để cho dân thiếu ăn ; nặng sưu-thuế để cho dân hết của ! Lặn bễ tìm ngọc, khoét núi lấy vàng. Ngà voi, sừng tê, gỗ thơm, lông trăn...Phàm ta có bao nhiêu sản-vật, chúng tất hết sức lòng tim, không cái gì là bỏ sót, để cho đầy hang muốn, túi tham. Phàm ta có bao nhiêu nhân-dân, chúng tất kiếm phương lừa-dối, đem dời đi nơi xa, để cho hủ lòng lang, dạ thú ! Lại đắp hơn mười tòa thành, chia quân đóng giữ, để trấn-áp lòng người. Khiến cho những trang mru-tri của ta, cật tay, động chân không được ! Lại khéo định ra danh-mục, bắt hiếp phải làm quan, giả-vờ cho vào châu, để ở luôn đất Bắc ! Chỉ có Nhà-vua bèn giữ lòng xưa, không bị quan-tước dõ-dành ; không chịu oai-thể hà-hiếp. Tuy giặc có khéo-léo, khôn-ngoan nhiều cách, mà tráng-chí của Nhà-vua, trước sau vẫn chẳng chịu chùng ! Thế nhưng trong khi thế giặc còn mạnh, chưa dễ đánh được nào. Nhà-vua thường hậu lễ, nhún lời, đem nhiều vàng, bạc, của báu, đút lót cho các tướng giặc là bọn Trương Phụ, Trần Trí, Sơn Thọ, Mã Kỳ ; mong thư bớt tấ

---

(1) Đoạn này chắc cũng của người sau thêm vào, ít ra là hơi sửa lại. (Dịch-giả chú)

lòng hãm-hại Nhà-vua ; để Nhà-vua được dợi thời, lừa díp.

Đảng của giặc là Lương Nhữ Hốt bàn với bọn giặc, nói rằng :

— Chúa Lam-son chiêu vong, nạp bạn, đãi quân-linh rất hậu, chỉ nó chẳng nhỏ. «Nếu thường-luồng gặp được mây-mưa, thì tất không phải là vật ở trong ao chậu!» Nên sớm trừ đi, đừng để sau sinh vạ !

Năm Mậu-tuất (1418) khi ấy Nhà-vua ba mươi ba tuổi, khởi quân-nghĩa ở Lam-son. Ngày mồng-chín tháng giêng, bị giặc vây bức, bèn lui về đóng ở Lạc-thủy, đặt quân phục để dợi. Ngày mười-ba, giặc kéo quân đến dòng. Nhà-vua tung cả quân phục ra, xông đánh quân giặc. Cháu Nhà-vua là Lê Thạch, cùng bọn Đinh Bồ, Lê Ngân, Lê Lý, đánh hãm vào trận giặc trước, chém được hơn ba nghìn đầu. Quân-lương, khi-giới, cũng bắt được kể nghìn !

Ngày mười-sáu, có tên bầy-tôi làm phản, tên là Ái (người trại Nguyệt-ấn), cùng với Đỗ Phú dẫn quân Minh đào lấy tiêu đưng hài-cốt ở xứ Phật-hoàng, treo ở sau thườn, hẹn Nhà-vua phải ra hàng. Nhà-vua sai Trịnh Khả, Lê Bi (người thôn Hắc-lương), hai người, đội cỏ, bơi xuống đến bến thôn Thượng-rao-xá, rình giặc ngủ say, lên thuyền ăn trộm được tiêu xương đem về trình Nhà-vua. Nhà-vua mừng rỡ, trọng thưởng hai người, rồi rước về xứ Phật-hoàng, lại táng y theo chỗ cũ.

Hôm sau bị tên Ái dẫn lối, đem giặc Ngô đánh úp quân Nhà-vua, bắt được vợ, con, cùng người nhà của Nhà-vua rất nhiều ! Quân của Nhà-vua không còn lòng hăng-hái muốn đánh, thật là cùng-khốn ngặt-nghèo ! May nhờ có các bậc trung-thần là bọn Lê Lê,

Lê Văn, Lê Bi, Lê Xi, Lê Đạp, theo Nhà-vua lần-lút vào trong núi Chí-linh. Tuyết lương hai tháng trời ! Đợi khi giặc đem quân lui, mới lại về đắp lũy ở quê cũ là Lam-sơn. Nhà-vua thu lại tàn quân, chỉ chừng hơn trăm người ! Lại đem quân Mường ở Lam-sơn, trai, gái, khiêng gánh lương-thực. Ra vào nơi hiểm-hóc ; phủ-dụ các quân-linh ; ước-thúc lại cơ-đội, sửa-sang lại khi-giới. Quân-linh cảm-khích, thề không cùng sống với quân giặc ! Nhà-vua biết quân-linh ấy có thể dùng được, bèn sai bọn binh-lanh-lẹ ra khiêu chiến trước. Giặc cậy mạnh, vào cả đất hiểm để bực Nhà-vua. Nhà-vua đặt quân phục ở xứ Văn-mang, dùng tên thỏ bắn hai bên, giặc mới tan chạy. Nhà-vua lại tiến quân đến xứ Ninh-mang, ngày đêm xông đánh, quân giặc lại bị thiệt-hại. Giặc lui giữ xã Bả-lạc-thượng. Nhà-vua lại tiến quân tới trại Hà-dã, hằng ngày khiêu chiến. Giặc ở vững trong trại không ra.

Hôm sau, giặc lại giao-chiến với Nhà-vua ở xứ Mỹ-mỹ. Bắt được tướng chỉ-huy của giặc là Nguyễn Sao, và chém được hơn nghìn đầu.

Khi ấy quân ta chỉ mới được nhỏ, mà thế giặc đương mạnh, Nhà-vua bèn với các tướng mà bảo rằng :

— Ai có thể thay mặc áo vàng của Trẫm, lĩnh năm trăm quân, hai thớt voi, đánh vào thành Tây-đô. Thấy giặc ra đối-dịch, thì tự xưng tên : « Ta là chúa Lam-sơn đây ! » Đề cho giặc bắt ? Cho ta được náu mình, nghỉ binh, thu-họp cả quân-sĩ, đề mưu tính việc về sau !

Các tướng đều không dám nhận lời. Chỉ có Lê Lai thưa rằng :

— Tôi bằng lòng xin thay mặc áo Nhà-vua. Ngày sau Bệ-Hạ gây nên Đế-nghiệp, có được thiên-hạ, thương đến công tôi, cho con-cháu muôn đời được chịu ơn nước. Đó là điều tôi mong mỏi !

Nhà-vua lạy Trời mà khẩn rằng :

— Lê Lai có công thay đổi áo. Sau này trẫm cùng con-cháu, và các tướng-tá, hay con-cháu các công-thần, nếu không thương đến công ấy, thì xin đền-đài hóa ra rừng núi ; ấn-vàng hóa ra đồng sắt ; gươm thần hóa ra đao-binh !

Nhà-vua khẩn xong, Lê Lai liền đem quân đến cửa trại giặc khiêu-chiến.

Giặc cậy quân mạnh xông đánh. Lê Lai cưỡi ngựa, phi vào giữa trận giặc, nói rằng :

— Ta đây là chúa Lam-son !

Giặc bèn xúm lại vây, bắt lấy đem về trong thành, xử bằng hình-phạt cực ác, ra hãn ngoài những tội thường làm !

Năm Kỷ-hợi, (1419), Nhà-vua ở Lam-son, cùng các tướng tá, tu-tạo thành-lũy, chữa-sửa khi-giới, phủ-dụ và chu-cấp các quân-sĩ, nuôi oai chứa mạnh, chưa rồi đến việc chiến đấu.

Năm Canh-tý, (1420) năm ấy giặc Minh lại đem thật đông quân đến. Nhà-vua liệu giờ Mùi chúng tất đến bến Bồng. Nhà-vua đặt trước quân phục để đợi. Giờ Mùi, quả-nhiên quân giặc tới đông, quân phục bốn mặt nổi dậy. Bọn giặc vỡ to. Quân ta chém đầu không biết bao nhiêu mà kể, bắt được hơn trăm con ngựa. Các khi-giới của giặc, nhất thời bị đốt hết.

Cùng năm ấy, giặc nước ta tên là Cầm Lạn, dẫn đường cho các tướng Minh là bọn Lý Bàn, Phương Chính, đem hơn mười vạn quân, từ địa-phương của

Cầm Lạn, tiến thẳng vào Thôi-mang, để đánh Nhà-vua. Nhà-vua trước hết sai bọn Lê Triệu, Lê Lý, Lê Vấn, đem vài trăm người, mai-phục ở xứ Bồ-mộng để đợi. Giặc đến, quân phục đều nổi dậy. Quân giặc vỡ to. Quân ta chém được hơn ba trăm đầu. Giặc cày quân còn mạnh, tiến sát đến dinh Nhà-vua. Nhà-vua trước hết chia quân ra mai-phục ở những chỗ hiểm-yếu.

Ngày mai giặc đến, Nhà-vua tung quân ra đánh, cả phá ở xứ Bồ-thi-lang, chém hơn nghìn đầu. Bọn Lý Bàn, Phương Chính, chỉ chạy thoát được thân! Quân ta thừa thắng xô đuổi, luôn sáu ngày đêm mới trở về. Nhà-vua lại tiến quân đóng ở trại Ba-lâm thuộc Lôi-giang, trêu giặc ra đánh. Giặc không dám ra! Tướng giặc là bọn Tạ Phương, Hoàng Thành, lui đóng đồn ở Nga-lạc. Rồi về giữ Quan-du và thành Tây-đô, đóng bền ở trong trại không chịu ra! Nhà-vua ngày đêm tìm nhiều cách xông đánh để quấy rối và làm mệt quân giặc. Lại chia quân sai bọn Lê Hào, Lê Sát, tiến đánh trại Quan-du, cả phá được giặc, chém hơn nghìn đầu, bắt được khi-giới của giặc rất nhiều.

Từ đó thế giặc ngày một suy. Nhà-vua bèn chiêu phủ nhân-dân ở các miền trong nước, không đâu là không hưởng ứng. Cùng nhau góp sức, tiến đánh các đồn, đốt phá các dinh, trại.

Năm Tân-sửu (1421), ngày hai-mươi tháng mười một, tướng giặc là bọn Trần Trí, đem quân giặc cùng đảng giặc người bản-thổ, tất cả hơn mười vạn, lại tiến đến sát đánh Nhà-vua ở ải Kinh-lộng, trại Ba-lâm. Nhà-vua hội các tướng bàn rằng:

— Nó đông, ta ít : nó mỗi-một, ta nhàn-hạ. Bình-

pháp dạy rằng : « Được, thua quan-hệ ở tướng, chứ không do ở ít hay nhiều ». Quân nó dù đông, nhưng tá đem quân nhân-lạ để đón quân mỗi-một, thì quyết là phá được !

Bên đêm chia quân ra đánh úp trại giặc. Thúc trống, hò reo, cùng tiến sát đánh vào trại giặc, chém được hơn nghìn đầu. Quân-lương, khi-giới, bắt được rất nhiều !

Sau giặc biết ta ít quân, hơi có ý coi thường ta. Lại mở đường núi tiến vào. Nhà-vua ngầm phục quân ở ả Ứng là nơi hiểm-trở để đợi chúng. Giờ ngọ, quân giặc từ đường núi kéo ra, Nhà-vua tung quân đánh giáp hai bên, quân giặc quả-nhiên thua lớn.

Nguyên xưa Nhà-vua giao-hảo với Ai-lao không hề có điều gì xích-mịch. Nhưng bị tên Lộ văn Luật, làm quan với giặc, trốn sang nước ấy, du-thuyết để làm kế phản-gián. Vì thế nước Lào hiềm-khích với Nhà-vua. Khi ấy Nhà-vua cầm cự với giặc Ngô, được thua chưa quyết. Kịp khi giặc thua chạy, Ai-lao liền đem vài vạn quân, một trăm thớt voi, thỉnh linh đến trại ta, giả-vờ sang giúp ta ; nói phao lên rằng cùng ta góp sức đánh giặc. Nhà-vua thật bụng tin người, không ngờ-vực gì khác. Nào dè nó mặt người dạ thú, nghe mưu-gian của Lộ văn Luật, đêm đánh úp trại ta. Nhà-vua thân ra đốc chiến, tự giờ Tý đến giờ Mão. Quân-lính đua sức tranh nhau tiến trước, cả phá được chúng, chém hơn vạn đầu ; bắt được voi mười bốn thớt ; quân - lương, khi-giới, lấy vạn mà kể ! Thừa thắng đuổi theo, đi luôn bốn ngày đêm, tới thẳng nơi sào-huyệt của chúng. Viên tù-trưởng của chúng tên là Bồ Sát vờ xin giảng-hòa, nhưng thực



thì muốn rùi-gắng giãng-giai, đề đợi viện-binh. Nhà-vua đoán biết mưu gian không cho. Nhưng các tướng cố nài, cho là quân-linh mỗi-một lâu ngày, hãy nên tạm nghỉ ngơi. Chỉ có con người anh con bác của Nhà-vua là Lê Thạch, một mình hăng hái xông đánh, không đoái-hoài chi cả, lỗ dẫm phải chông mà mất !

Thạch sức khoẻ hơn người, tinh trời nhân-ái. Lại rất ham học và khéo nuôi dạy quân-linh. Nhà-Vua rất đem lòng yêu. Và chẳng người bác xưa từng nuôi Nhà-vua làm con, nên Nhà-vua yêu Thạch còn hơn con mình. Cất riêng làm tướng Tiên-phong. Đánh dầu được đẩy ! Chỉ đáng tiếc là «có khoẻ nhưng ít có mưu» mà thôi !

Năm Nhâm-dần (1422) ngày hai-mươi-bốn tháng chạp, giặc Ngô lại cùng quân Ai-lao hện nhau, bên trước mặt, bên sau lưng, chệt đánh Nhà-vua ở trại Da-quan. Quân ta đánh luôn, nhiều người bị thương, hơi có thiệt hại. Bên ngầm rút về trại Khố, yên-ủi lính-tráng, sửa-chữa khi-giới, đề đợi quân giặc. Vừa được bảy ngày quả-nhiên giặc kéo đến. Nhà-vua bảo các tướng-sĩ rằng :

— Giặc tới vây ta bốn mặt, muốn chạy thì chạy đi đâu ? Đây tức là nơi mà binh-pháp gọi là «đất chết». Đánh mau thì còn ! Không đánh mau thì mất !

Nói rồi sa nước mắt. Các tướng-sĩ đều cảm-kích thi nhau liều chết đánh giặc. Bọn Lê Lĩnh, Lê Vấn Lê Hào, Lê Triện, chính mình xông vào trận trước, bắt được tướng giặc là Phùng Quý. Quân giặc thua lớn. Mã Kỳ, Trần Tri chỉ chạy thoát được thân ! Ta chém được hơn nghìn đầu, bắt được hơn trăm ngựa.

Thế rồi Nhà-vua lại thu quân về núi Chí-linh.

Quân-lính' thiếu-lương ăn đến hơn hai tháng, chỉ đào củ, dầm măng, hái rau để ăn mà thôi !

Nhà-vua giết bốn thớt voi, cùng ngựa của mình cưới, để cho quân-lính ăn. Nhưng thường thường vẫn có kẻ trốn đi ! Nhà-vua liền ra lệnh bó-buộc thật ngặt; bắt được viên tướng trốn đi tên là Khanh, liền chém đầu đem rao. Các tướng lại nghiêm-trang như cũ.

Khi ấy gặp luôn những việc gian-nan, quân-sĩ mỗi-một, muốn được nghỉ-ngoi, đều khuyên Nhà-vua nên hoà với giặc. Nhà-vua cực chẳng-đã, bèn giả-vờ hoà-hảo, cho sứ đi lại với tướng giặc là bọn Sơn Thọ, Mã Kỳ.

Mà giặc bị ta đánh thua luôn, ý cũng muốn lấy mưu dụ Nhà-vua. Nhà-vua cũng nhân nó muốn dụ mình, định hãy cho quân-sĩ nghỉ-ngoi, dặng đợi thời mà làm việc.

Năm Quý-Mão (1423), tháng tư, ngày mồng mười, Nhà-vua lại đem quân về Lam-son. Giặc biết ý Nhà-vua : bề ngoài giả-vờ hoà-thân mà bên trong có bụng muốn đánh-úp ; từ đó tuyệt đường đi lại, hai bên không có tin-tức, sai sứ sang nhau nữa. Binh-tình bên giặc nôn-nao, ngày đêm sợ-hãi. Nhà-vua dò biết chuyện ấy.

Khi ấy có cháu ngoại của họ Trần, tên là Cầm Quý, lánh họ Hồ, trốn vào rừng núi, xưng là ông dòng dõi vua Trần, Nhà-vua bèn đón về dựng làm vua, lấy hiệu là Thiên-khánh. Nhà-vua đánh-chơi với giặc, cay-đắng, khó-khăn. Đến khi Thiên-hạ sắp yên, chỉ có Đông-kinh là chưa hàng, bấy giờ Thiên-khánh ở thành Cổ-lộng. Nhà-vua ủy cho con trai của Tư-quận-công Lê Lãng là Lê-Ngang, giữa thành và túc-trực.

Thiên - khánh thấy Nhà-vua đẹp yên giấc Ngô, rất là sợ-hãi, bèn trốn vào Nghệ-an. Lê Ngang đuổi theo bắt được đem về.

Nhà-vua hỏi rằng :

— Đã được lập lên làm vua, cơ sao lại sinh lòng kia khác mà đi trốn ?

Thưa rằng :

— Quả-nhân không có công gì ! Tướng-quân thì công trùm cả thiên-hạ ! Ai là người trồng được cây đề cho kẻ khác ăn sẵn quả ? Nên sợ chết mà trốn, chứ không có ý gì khác ! Nay xin cho được toàn thân mà chết !

Nhà-vua thấy nói thế còn chưa nỡ !

Các quan nói :

— «Trời không hai mặt trời ! Nước không hai vua ! »

Bèn cho hãm được tự thắt cổ.

Năm Giáp-thìn (1.424) ngày hai-mươi tháng chín, Nhà-vua chia quân đánh úp thành Đa-căng, phá được thành. Quân giặc bị chém đầu và chết đuối có hơn nghìn người.

Viên Tham-chính của giặc là Lương Nhữ Hốt chỉ chạy thoát được thân. Ta bắt được lương-thực, khi-giới không biết bao nhiêu mà kể. Trại, lũy của giặc, bị đốt cháy hết !

Chức lát, tướng giặc là Hoa Ảnh lại đem quân đến cứu. Nhà-vua thừa thắng đánh tràn, giặc lại thua to, chạy vào thành Tây-đô. Phạm vọt, con của giặc bị bắt, không nỡ giết hại một người nào, đều thả về tất cả.

Rồi đó kén lựa trai tráng, sắm-sửa khi-giới, chinh-tề voi, ngựa, tiến thẳng vào Châu Trà-long, (tức phủ Trà-lân ngày nay) thuộc thành Nghệ-an

Gần tới xứ Bò-lạp, thỉnh-linh gặp tướng giặc là Sư Hựu, cũng bọn làm quan với giặc là Cầm Bành Cầm Lạn, lĩnh hơn năm nghìn người, đón chặn lối trước mặt. Lại có bọn tướng-giặc là lũ Trần Trí, Phương Chính, Sái Phúc, Lý An, đem quân tiến sát phía sau. Quân ta trước bụng, sau lưng, đều bị có giặc. Mặt trời lại sắp chiều. Nhà-vua bèn dàn quân, dàn voi để dọ, Trong chốc lát, quân giặc quả tới nơi. Nhà-vua tung quân-phục ra xông đánh. Quân của bọn Phương Chính vỡ to. Ta chém hơn nghìn đầu, và bắt được hơn trăm ngựa.

Ngày mai, Nhà-vua lại đem voi và quân - lính xông thẳng vào trại của bọn Sư Hựu. Quân giặc lại thua to. Ta chém hơn nghìn đầu. Quân-lương, khí-giới, đốt cháy không còn sót.

Khi ấy bọn Cầm Bành là trùm-trưởng của giặc, đóng giữ đất ấy, không chịu hàng-phục. Nhà-vua chiêu-dụ nhân-dân trong miền, khiến trở lại nghiệp xưa. Ai nấy đều mừng được yên thân, đem lòng cảm-kích, hăng-hái giúp Nhà-vua hết sức vây Cầm Bành. Hơn hai tháng, Cầm Bành giữ bền ở trong núi, để dọ quân cứu-viện của giặc. Nhưng giặc hất-hải, ngờ-sợ, vẫn không dám tiến. Quân của Bành oán mà làm phản, kể nhau đến hàng. Bành tự xét mưu-chước đã cùn, viện-binh đã tuyệt, liền mở cửa trại ra hàng.

Nhà-vua ra lệnh với trong quân rằng :

— Tướng giặc đã hàng, mảy - may cũng không được xâm-phạm. Bất cứ tội to, tội nhỏ, đều xá cho hết !

Về sau Cầm Bành lại sinh lòng khác, đem trộm quân trốn đi. Nhà-vua sai người đón đường bắt được liền xử chém ! Thế là dẹp được châu Trà-long

Nhà-vua bèn ủy-lạo các tù-trưởng, phủ-dụ các nhân dân. Ai nấy đều cảm ơn đội đức, xin ra sức lập công. Bèn biên-soát các tay trẻ khỏe, thu vào trong quân ngũ, được hơn năm nghìn người.

Khoảng niên-hiệu Hồng-hy bên nước Minh, giặc lại cùng với các Nội-quan (quan Hoạn được cắt đi giám-quân) là lũ Sơn Thọ đem lời quý-quyết, đề đồ-dành Nhà-vua. Nhà-vua đã biết trước ý ấy, liền nói :

— Giặc sai lừa ta, ta phải nhân khoẻ của bên địch mà dùng nó !

Bèn cho sứ đi lại, dò xét tình-hình quân giặc, đề mưu đánh úp thành Nghệ-an. Giặc biết mưu ấy, bèn không đi lại nữa.

Thế là Nhà-vua liền chinh-dốn thật nhiều ngựa, voi, quân-lính, tiến cả về mặt thủy, lẫn mặt bộ, đánh úp thành Nghệ-an.

Quân sắp đi, xây có tin báo : giặc đã đem khá nhiều voi, ngựa, thuyền-bè ; mặt thủy, mặt bộ đều tới.

Nhà-vua hội các tướng bàn rằng :

— Quân địch đông, quân ta ít, đem ít đánh đông chỉ ở những đất hiểm là có thể lập được công. Vả chẳng binh-pháp nói : «Nhử người tới, chứ không đề người dữ tới» .

Bên chia hơn nghìn quân, sai bọn Lê Liệt theo đường tắt giữ huyện Đỗ-gia, cướp thế tranh tiên của giặc. Còn Nhà-vua thì chính mình cầm đại-quân, đóng giữ vào nơi hiểm-trở đề dọ.

Chừng ba, bốn ngày, giặc đem hết cả quân, mặt thủy, mặt bộ đều tới ải Khá-lưu, đắp lũy, đóng trại, ở miệt dưới. Nhà-vua ở miệt trên, dương cờ, đánh trống, đêm thì đốt lửa. Lại ngầm sai quân tinh-nhuệ và bốn thớt voi, qua sông phục nơi hiểm-yếu.

Trời sắp sáng, giặc bèn dẫn quân, trên cạn, dưới sông đều tiến, để đánh dinh-trại của Nhà-vua. Nhà-vua giả vờ lui, nhử giặc vào chỗ có quân phục. Giặc không ngờ, đem hết quân vào sâu. Quân phục bốn mặt nổi lên, xông đánh, cả phá được trận giặc. Giặc bị chém đầu và chết đuối lấy vạn mà kể.

Thế rồi giặc tựa núi, đắp lũy để ở, không lại ra đánh nữa.

Khi ấy lương giặc khá nhiều, mà quân ta không đủ ăn lấy mười ngày. Nhà-vua liền bảo các tướng-sĩ rằng :

— Quân giặc nhiều lương, đắp lũy để làm kế lâu dài. Quân ta ít lương không thể giữ giằng-gai được với nó.

Bèn đốt hết dinh, trại, nhà-cửa, vờ trốn lên miệt trên. Và đi ngầm đường tắt, đợi giặc đến thì đánh. Giặc cho là ta đã chạy, bèn đem quân lên đóng vào dinh-trại cũ của ta, lên núi đắp lũy. Hôm sau Nhà-vua thân đem quân lanh-lẹ ra trêu đánh. Giặc kéo ra ngoài lũy giao chiến. Nhà-vua đem kén quân tinh-nhuệ, phục ở chỗ hiểm. Giặc lại không ngờ, đem hết cả quân ra. Nhà-vua liền tung quân xông phá trận giặc. Bọn Lê Sát, Lê Văn, Lê Bi, Lê Lê, Lê nhân Chú, Lê Ngân, Lê Chiến, Lê tông Kiêu, Lê Khôi, Lê Bôi, Lê văn An, đều thi nhau hãm trận. Giặc võ to thua chạy, bị chém đầu không thể đếm xiết. Thuyền giặc trôi nghiêng, thấy chết đuối tắc cả dòng sông. Khi-giới vất dầy ra giữa núi. Bắt sống được tướng giặc là Chu Kiệt, chém được Tiên-phong của giặc là Hoàng Thành. Trói được quân giặc hơn nghìn người. Thừa thắng đuổi dài, ba ngày đêm, thẳng tới thành Nghệ-an. Giặc vào trong thành, đắp thêm lũy, cố giữ.

*Hết cuốn thứ nhất*

## Cuốn thứ hai

Năm Ất-ty (1425), ngày hai mươi-lăm tháng giêng, Nhà-vua tới Nghệ-an, ra lệnh cho các tướng rằng :

— Dân ta khổ với quân nghịch-tặc đã lâu. Phàm đến châu, huyện nào, tờ hào không được xâm-phạm.

Nhân-dân không ai không mừng-rỡ, thi nhau đem trâu, rượu, đón khao, để giúp vào việc dùng trong quân. Nhà-vua bèn đem chia cho các tướng cùng lính-tráng. Ai nấy đều nhảy-nhót, xin đem sức liều chết. Thế rồi Nhà-vua tiến vào Nghệ-an. Trong khoảng một tuần, quân-linh họp đủ, cùng nhau góp sức.

*Tới thành cửa sông Hưng-nguyên, chỗ ấy có đền thờ thần, (tục gọi là thần Quả). Nhà-vua đêm chiêm bao thấy thần-nhân nói với Nhà-vua rằng : « Xin một người vợ lẽ của Tướng-quân sẽ xin phủ-hộ Tướng-quân, đánh được giặc Ngô, để gây nên nghiệp Đế » Ngày mai Nhà-vua vời các vợ lẽ đến hỏi rằng :*

— Ai chịu làm vợ lẽ cho Thần ? Ta được thiên-hạ sẽ truyền cho con làm Thiên-tử !

Khi ấy mẹ vua Thái-tống húy là Trần thị Ngọc Trần, quý xuông nói với Nhà-vua rằng :

— Túc hạ giữ đúng lời giao-uớc, thiệp xin chịu nhận việc ấy. Ngày sau chớ phụ con thiệp.

Nhà-vua giao-uớc với các quon văn, võ, y như lời ấy. Ngày 24 tháng ba, Nhà-vua giao Ngọc Trần cho thần Phô Hộ bắt lấy, chết ngay trước mắt ! Đến khi bình giặc Ngô, Nhà-vua lên ngôi, nói rằng : « Ta là chúa Bách Thần ! ». Sai người động Nhân-trầm là Lê Cố đem hài-cốt về đến xã Thịnh-mỹ. Chiều đến chưa kịp qua sông, ngủ ở nơi chợ ! Một đêm mới đùn thành đồng đất, lấp lên huyệt thành mộ. Sĩ-giả thấy điềm lạ về tâu.

— Nhà-vua nói :

— Thù-nhân đã y lời hẹn !

Liền truyền ở lại nơi ấy, lập điện Hiên-nhân để phụng thờ. Ấy là đức Cung-từ Hoàng Thái Hậu. (1)

Nhà-vua vây thành Nghệ-an. Giặc giữ bền trong trại, không dám ra nữa. Thế là đất toàn hạt Nghệ-an là của ta có hết !

Nhà-vua huấn-luyện tướng-sĩ, sửa-sang khi-giới chưa đầy mười ngày, chiến-cụ đã đầy đủ.

Ngày rằm tháng tư năm ấy, tướng giặc là Lý An lại đem quân thủy từ Đông-dô tới cứu-viện. Nhà-vua đoán thế giặc đã cùn-quần, hằng ngày đợi viện binh tới, tất nhiên là mở cửa trại ra đánh. Bèn phục quân ở bờ sông, đợi quân giặc nửa sang sông thì đổ ra đánh.

---

(1) Cả đoạn văn viết đã không thông, sự-thực lại vô lý : Quan Khâm-sai nào lại ngủ ở chợ ? Hài-cốt Hoàng-hậu nào lại vất ở ngoài đồng để cho mối đùn ? Vậy chắc của người sau thêm vào (Dịch-giả chú)



Đến ngày hai-mươi-bảy, quân giặc quả-nhiên đại-  
đội kéo ra, đánh trại Lê Thiết. Quân phục của Nhà-  
vua đổ ra đánh cho vỡ to ! Chém hơn nghìn đầu.  
Quân chết đuối rất nhiều.

Từ đó giặc càng sợ-hãi, lại đắp thêm lũy, hợp sức  
chống giữ.

Nhà-vua nói :

— Quân giặc đến hết cả đề cửu Nghệ-an. Các  
nơi tất là trống rỗng.

Nhà-vua bèn kén hai nghìn tinh-binh, hai thớt  
voi, sai cháu ngoại là bọn Lê L ễ, Lê Sát, Lê Bị, Lê  
Triện, Lê nhân Trú, đi suốt ngày đêm, đánh úp  
thành Tây-đò (Thanh-hóa). Giặc đóng cửa thành  
chống giữ. Quân ta đánh cho vỡ, bắt được đảng giặc  
rất nhiều, chém hơn năm trăm đầu. Phàm những  
dân ở gần thành giặc, to-hào không xâm-phạm. Từ  
đó dân cả một lộ Thanh-hóa, cùng thần-thuộc, bạn  
cũ của Nhà-vua, đều tranh nhau tới cửa trại quân,  
xin liệu mình ra sức, đề mưu việc báo đền.

Chưa đầy ba ngày, bộ ngũ đã sắp xong cả, bèn  
váy thành Tây-đò. Lê L ễ, Lê Triện võ về, yên-ủi  
nhân-dân, dạy-đỗ, luyện-tập quân-sĩ, đề tính việc  
tiến đánh.

Khi ấy thành giặc ở mấy nơi Thuận-hóa, Tân-  
binh, cùng với Nghệ-an, Đông-đò, tin tức cắt đứt  
đã lâu. Nhà-vua bảo các tướng rằng :

— Các bậc tướng giỏi dòi xưa, bỏ chỗ vững, đánh  
chỗ núng ; lánh chỗ thực, công chỗ hư. Như vậy  
thì dùng sức có nửa mà được công gấp đôi.

Bèn sai bọn Lê Nỗ, Lê Bồ lĩnh hơn nghìn binh,  
một thớt voi, ra đánh các thành Tân-binh, Thuận-  
hóa, và chiêu-mộ nhân-dân. Đến Bá-chính gặp giặc,  
bèn dẫn quân vào chỗ hiểm mai-phục. Khi giặc đến

sát quân ta, Lê Nỗ đem một thót voi, cùng các quân khoẻ-mạnh, xông đánh trận giặc. Giặc bị chém đầu và chết đuối hơn nghìn người.

Nhà-vua sai bọn Lê Triện, Lê Bôi, Lê văn An, đem bảy chục chiếc thuyền, vượt bể quấy thẳng vào sào-huyệt của quân giặc. Kịp khi được tin quân nổi, bèn thừa thắng cả phá được các nơi. Tân-bình. Thuận-hóa, hết thấy thuộc về ta cả. Vả chẳng Tân-bình, Thuận-hóa, là nơi tâm-phúc của ta. Đã được đất ấy rồi, tất không còn mối lo nội-cố.

Khi ấy quân giặc tuy chưa diệt hết, nhưng quân ta thanh-thế ngày càng to. Lòng người ngày càng vững. Nhà-vua liệu chừng tinh-binh của giặc ở hết cả Nghệ-an, còn các thành Đông-dò, đều đã trống rỗng, yếu-đuối hết thấy, bèn thêm voi, ngựa, quân-linh, sai bọn Lê Triện, Lê Khả, Lê Bý, lĩnh hơn hai nghìn người, ra các lộ Thiên-quan, Quốc-oai, Gia-hung, Lâm-thao, Tam-dái, Tuyên-quang, cướp lấy đất cát, thu-phục nhân-dân, để tuyệt lối quân cứu-viện ở Vân-nam sang. Lại sai bọn Lê Bị, Lê nhân Chú, lĩnh hơn hai nghìn binh, ra các phủ Thiên-quan, Thiên-trường, Kiến-hung, Kiến-xương, để chặn đứt đường về của Phương Chính, Lý An. Đã chiếm được các đất ấy rồi, bèn chia quân đóng giữ. Lại sai Lê Bị, Lê nhân Chú, lĩnh hơn ba nghìn quân Thanh-hóa, cùng hai thót voi, ra các lộ Khoái-châu, Thượng-hồng, Hạ-hồng, Bắc-giang, Lạng-son, để ngăn đứt quân cứu viện ở Ôn-khâu.

Lại kén hai ngàn tinh-quân, sai quan Tư-không là Lê Lễ, Lê Xý, đem quân tiến đánh Đông-dò, để phô trương thanh-thế. Quân ta tiến đến đâu, mây may không hề xâm-phạm. Vì thế các Lộ ở Đông-kinh, cùng các nơi phiến trấn, không ai là không vui

mừng, tranh nhau đem trâu, rượu, lương-thực để khao các tướng-sĩ. Khi ấy bọn Lê Triệu, Lê Khả, Lê Bi, thường đem quân đi lại, tiến sát thành giặc. Nhưng người ta còn sợ giặc, chưa quy-phục hết.

Năm Bình-ngọ (1426), ngày hai-mươi tháng tám, giặc cậy thế khoẻ, cất quân đến đánh. Bọn Triệu, Bi đặt quân phục, đánh riết ở Ninh-kiều, cả phá được quân giặc, thừa thắng đuổi theo đến thôn Nhân-mục (tức làng Mộc thuộc tỉnh Hà-dông ngày nay). Trong khoảng vài chục dặm, xác chết chồng lên nhau ! Từ đó giặc không dám ra nữa.

Giặc tự liệu thế ngày cùn-quần, viện binh lại không đến, bèn đưa «ông thiếp» (?) cáo cấp với Nghệ-an.

Ngày hai-mươi-sáu tháng chín, bọn Phương Chính Lý An, bỏ thành Nghệ-an mà về, chỉ để lại Sài Phúc, đóng cửa trại cố chết chống giữ.

Bọn An, Chính lật đật không lên được trên bờ, tự cưỡi thuyền xuống bể, đem trốn.

Bèn ta trước đã chia quân thủy phục ngầm ở nơi hiểm-yếu, để đón nẻo đường về. Nhưng lúc ấy quân ta thuyền binh còn ít, cho nên bọn An, Chính được thoát thân mà trốn.

Nhà-vua tự liệu thế giặc ngày một yếu, quân ta ngày một mạnh, thời đến chẳng làm, sợ bỏ mất cơ hội. Bèn lựa bọn Lê Lễ, Lê Văn An, Lê Ngân, Lê Sát, Lê Bôi, Lê Lĩnh, Lê Thận, Lê Văn Linh, Bùi Quốc-Hung, vây thành Nghệ-an.

Còn Nhà-vua thì thân đem đại-quân, ngày đêm đi gấp đường, thủy, bộ cùng tiến, theo chân bọn An, Chính. Khi tới thành Tây-đô, đóng dinh, ủy-lạo các tướng-sĩ, ban thưởng cho phụ lão trông làng, cùng các người thân-thích quen thuộc. Khi ấy nhân-dân

các quận huyện, nghe Nhà-vua đã tới Thanh-hóa, đều háng-hải đem mình đến cửa dinh, xin ra sức xông-pha, để mong lập chút công tác, thước.

Tháng mười năm ấy, nước Minh lại sai bọn Tống-binh là Thành-sơn-hầu Vương Thông, Tham-chính là Mã Ảnh, đem năm vạn quân, năm nghìn ngựa, chia đường cùng sang cứu các thành Đông-đô. Mà một vạn quân giặc ở Văn-nam thì sang trước, thẳng tới sông Tam-kỳ, thuận dòng mà xuống. Bọn Lê Khả nghe tin giặc tới, từ Ninh-kiều gấp đường mà tiến, gặp giặc ở cầu Luội (?) đón đánh cho quân giặc thua to, bị chém hơn nghìn đầu, và chết đuối rất đông. Còn tàn quân đem nhau chạy vào thành Tam-giang.

Sau đó tướng giặc là Vương Thông, lại từ Ôn-khâu tiếp đến. Mới trong năm ngày, đem đại quân hợp với hơn mười vạn quân của hai Nội-quan Trấn thủ là Sơn Thọ, Mã Kỳ cùng lữ Phương Chính, Lý Lượng, Trần Hiệp, mặt thủy, mặt bộ đều tiến, đánh Lê Triện, Lê Bị, ở các trại Cô-sở, Độ-ngoại.

Chúng đóng trại chạy dài đến mười dặm, mũ, giáp loà trời ! cờ tàn rợp nội ! Tự cho là đánh một trận có thể quét sạch quân ta !

Bọn Lê Triện liệu chống không nổi, bèn cáo cấp với Lê Lễ, Lê Hối, Lê Chiêu, Lê Xi.

Lê Lễ khi ấy đã phục quân ở Thanh-đàm để đợi giặc. Nghe tin báo của Triện tới nơi, bèn đem hơn ba nghìn quân tinh-nhuệ, và hai thớt voi, đến cứu bọn Triện. Cùng nhau góp sức xông đánh ở mấy nơi Tổ-động, Ninh-kiều, cả phá quân giặc chém Trần Hiệp, Lý Lượng và hơn năm vạn đầu giặc. Quân giặc chết đuối rất đông, bị bắt sống hơn trăm người. Khí-giói, lừa ngựa, bạc, vàng, vải lụa, cùng các xe lương-thảo bỏ lại rất nhiều không thể đếm

xiết. Tướng giặc là bọn Vương Thông, Mã Ảnh, Mã Kỳ, Sơn Thọ, chỉ chạy thoát được thân, vào thành Đông-dò cố giữ để đợi chết !

Bọn Khả, Lẽ, Bi, Xi, thừa thắng tiến thẳng sát thành bỗ vạy.

Khi ấy Nhà-vua đương đóng dinh ở Thanh-hóa, hội-hợp các quân ở Hải-tây (?). Kịp khi được thư báo tin thắng trận của Lê Lẽ, bèn chính mình cầm đại quân, và hai mươi thớt voi, chia hai đường thủy bộ ngày đêm cố sức tiến.

Tháng mười-một năm ấy, đến cầu sông Luống Sai bọn Lê Bi lĩnh thủy-quân từ sông nhỏ thẳng tiến lên miệt thượng nguồn. Còn Nhà-vua thì thân đem đại quân, hội-đồng với bọn Lê Lẽ, vây thành Đông-dò. Cả mặt thủy, mặt bộ giáp đánh, đêm phá được trại ngoài của giặc, gỡ được hết những người nước ta bị giặc bắt hiếp, cùng cướp được thuyền giặc và khi-giới rất nhiều.

Giặc biết các quân-dân ở phụ thành đều theo về với ta. Xem thế càng ngày càng quân, bèn lại đắp thêm tường lũy, cố chết giữ để đợi quân cứu viện.

Nhà-vua tới Đông-dò trong ba ngày đầu, nhân dân ở kẻ chợ cùng các phủ, huyện, châu và các tù-trưởng ở biên-trấn, đều tấp-nập đến cửa trại quân, xin ra sức liều chết, để đánh thành giặc ở các nơi. Nhà-vua đem lòng sôn để phủ-dụ, yên-ủi. Bảo cho biết rõ lẽ thuận, nghịch, lui, tới Phạm sĩ thứ tới cửa trại quân, Nhà-vua đều nhún mình, hậu lễ tiếp đãi. Và đều tùy tài cao thấp, cất-dặt làm các chức. Đem tước thưởng mà cỗ-lệ họ, khiến ai nấy đều tự cố gắng; lấy hình phạt mà bó-buộc họ, khiến ai nấy đều tự e dè. Vì thế người ta thấy đều nó nước, thề hết sức liều chết. Nền đến đâu cũng được thành công.

Nhà-vua bèn chính mình đốc các tướng-sĩ đánh thành Đông-dò. Mà giặc thì đánh trận nào thua trận nấy, khi đã nhụt, lòng đã nản, kế đã cùn, viện-binh đã tuyệt ! Giặc bèn cho sứ sang giảng hòa, xin cho được đem toàn quân về nước. Nhà-vua xét ý họ đến nói, cũng hợp với lòng Nhà-vua. Vả chẳng binh-pháp dạy rằng : « Không đánh mà khuất được quân của người, ấy là mưu hay nhất trong các mưu hay ! » Bèn hứa cho, và giao-hẹn với chúng, cần nhất phải đưa thư lấy các quân đóng giữ ở các nơi về. Nhất thời quân giặc phải hợp cả ở Đông-dò, cùng nhau về nước. Nhà-vua cũng sắp ngay ngựa, voi, binh-linh, đi lại và giao-thông mua bán với giặc.

Giặc quả y lời hẹn, thân tự tư giấy, lấy các quân giặc ở Diên-châu, Nghệ-an, Tân-bình, Thuận-hóa, hợp đủ ở trại Bồ-dề, hẹn ngày về nước, trả lại địa-phương cho ta.

Không ngờ những kẻ làm quan với giặc là lũ Nhữ Linh, Nhữ Hốt, nghiệp-dĩ bán nước để lấy chức trọng, quyền cao của giặc, thật là ác sâu tội nặng ! Sợ sau khi giặc về, tất không có lý nào sống được, bèn ngầm bày mưu phản gián. Nói rằng : « Xưa kia Ô Mã Nhi thua ở sông Bạch-dăng, đem quân ra đầu hàng, rồi bị ông quận Vạn-kiếp (tức Hưng đạo Vương) dùng mưu đánh lừa. Lấy tàu lớn chở cho về nước. Lại sai bọn người tài lặn, sung làm phu chở tàu. Khi ra ngoài bể, đem rình cho ngũ kỹ bèn lặn xuống nước đục đáy tàu ra cho chết đuối hết, không một người nào được về ! » Giặc nghe mưu ấy, bèn sinh lòng ngờ. Mời lại đắp thêm lũy, đào thêm hào, làm kế sống tạm bợ ! Bề ngoài nói giảng hòa, bèn trong tính mưu khác.

Nhà-vua sợ nó tráo-trở, bèn ở bốn bên cửa thành,

ngầm đặt quân phục. Rình giặc ra vào, bắt hơn ba nghìn quân thám-thính của giặc, cùng năm-trăm con ngựa. Từ đó giặc không dám ra nữa. Việc cho sứ đi lại bèn cắt đứt.

Khi ấy quân ta có hơn năm vạn tinh binh, cùng lòng góp sức. Mà quân giặc thua hoài, ngồi để chờ chết ! Trong khoảng chỉ, vạch, bắt, tha, quyền ở cả ta. Nhà-vua bèn sai các tướng chia quân ra đánh các thành. Quốc Hưng lĩnh quân đánh hai thành Điêu-kê, Thi-kiều (Đáp-cần), chúng đều ra đầu cả. Bọn Khả, Đại đánh thành Tam-giang, hơn một tháng thì thành ấy hàng. Bọn Lê Triện, Lê Sát, Lê Lý, Lê Thu, Lê Lãm. Lê Hốt đánh thành Xương-giang. Bọn Lê Lự, Lê Bôi đánh thành Ôn-khâu. Trong khoảng quay gót mấy thành đều vỡ. Chỉ có bốn thành Đông-dô, Cồ-lộng, Tây-dô, Chí-linh, là chưa hạ mà thôi.

Lúc trước Nhà-vua đóng dinh ở thành Phù-liệt, hơi xa với giặc. Sau bèn dời về dinh Bồ-đề ở bên Bắc sông, đối viện với thành Đông-dô, để đón đường về của chúng. Ngày đêm luyện-tập các tướng ; kén thêm quân-sĩ ; sắp đồ dùng đánh thành ; chứa oai nuôi sức ; tập nghề võ ; giữ hiệu-lệnh phân minh. Chia sai các tướng chẹn giữ các đường quan-ải, dứt quân cứu-viện của giặc .

Khi ấy các tướng-sĩ phần nhiều dâng thư khuyên Nhà-vua đánh các nơi thành Đông-dô.

Nhà-vua nói :

— Đánh thành là hạ sách ! Ta đánh vào thành vững, hàng tháng, hàng năm không hạ nổi. Quân ta sức mệt, khí nản. Nếu viện-binh của giặc lại đến thì trước mặt, sau lưng đều bị giặc đánh, đó là thế nguy ! Không bằng nuôi oai chứa sức, để đợi ít.

ngày. Viện-binh dứt thì thành tất phải hàng. Làm một được hai, đó mới là kế vạn-toàn vậy.

Năm Đinh-vi, ngày mồng-mười tháng sáu, tướng giặc là Trần viên Hầu đem năm vạn quân, một nghìn ngựa, từ Quảng-tây sang, cứu-viện các thành. Đến ải Pha-lũy (Nam-quan), tướng giữ ải của ta là bọn Lê Lựu, Lê Bôi, đánh cho thua to, chém hơn ba nghìn đầu. bắt được hơn năm trăm ngựa, cả phá được giặc mà về.

Nước Minh cậy mình mạnh lớn, không trông gương bánh xe đồ trước, lại cho đem hơn hai mươi vạn quân, ba vạn con ngựa, sai bọn lũng-quản là An-viên-hầu Liễu Thăng, cùng Kiềm-quốc-công là Mộc Thạnh, Bảo-định-bá là Lương Minh, Đò-đốc là Thôi Tụ, Thượng-thư là Lý Khánh, Hoàng Phúc, đi chia làm hai đường. Bọn Liễu Thăng từ Ôn-khâu tiến san, bọn Mộc Thạnh từ Vân-nam đi lại. Ngày mười-tám tháng chín, đều đến cả đầu biên-giới.

Nhà-vua triệu các tướng bàn rằng :

— Giặc vốn khinh ta, cho người nước ta tính nhút-nhát, lâu nay vẫn sợ oai giặc. Nghe tin đại-quân đến, tất la khiếp sợ. Hưởng chỉ lấy mạnh lấn yếu, lấy nhiều thắng ít, là sự chi thường. Giặc nào phải không biết luận đến : thể thua được của đấy, đây ; cơ tuần-hoàn của thời-vận. Vả chẳng quân đi cứu-cấp, cần nhất phải cho mau-chóng. Quân giặc tất nhiên cố sức đi gấp đường. Tức như lời binh-pháp đã dạy: « Xộ tới chỗ lợi mà ngày đi năm mươi dặm, tất quệ bậc thượng tướng ». Nay Liễu Thăng sang đây đường-sá xa xôi. Đem ba nghìn gái đẹp (?), khuya chiêng, đóng trống, hẹn cùng đi bằng ngày ; long quá, khổ vì mệt-nhọc. Ta lấy thông-thả mà đợi quân mệt-nhọc, không có lẽ nào là không thắng !



Bèn sai bọn Lê nhân Chú, Lê Sát, Lê Thụ, Lê Lĩnh, Lê Liệt, đem một vạn tinh binh, năm thớt voi, ngầm phục ở ải Chi-lăng để đợi.

Nguyên trước Lê Lưu giữ ải Pha-lũy, thấy giặc đến lui giữ ải Truy. Giặc lại tiến đánh ải Truy. Bọn Lê Sát, Lê nhân Chú giữ Chi-lăng, giặc lại tiến bực Chi-lăng. Bọn Lê Sát, Lê nhân Chú sai Lưu ra đánh, rồi giả vờ thua mà chạy. Quả-nhiên quân giặc mừng rỡ, Liễu Thăng thân đem đại-quân tiến vào chỗ phục. Bọn Chú, Sát tung hết quân phục ra, bốn mặt đều vây, xông đánh quân giặc, cả phá được chúng chém bọn Liễu Thăng, Lý Khánh, cùng hơn một vạn quân giặc. Chiến-cụ của giặc, nhất thời bị đốt hết.

Nhà-vua lại sai bọn Lê Lý, Lê văn An, đem quân đến tiếp. Tỳ-tướng của giặc là bọn Thôi Tụ, Hoàng-phúc, thu nhặt đám quân tàn, lại gượng tiến đến ải núi Mã-yên.

Bọn Sát, Chú, Lý, đem các tướng tung hết quân ra đánh. Giặc lại thua to. Ta chém được hơn hai nghìn đầu; bắt được lừa, ngựa, trâu, bò, quân-lương, khí-giới, không biết bao nhiêu mà kể!

Quân giặc cho là thành Xương-giang chưa vỡ, tự lấy làm chắc. Kịp khi tới Xương-giang, thấy thành đã bị hãm rồi, tung-hững thất-vọng, càng hoảng-hốt cả sợ. Liền ngày đêm đắp lũy tự giữ lấy pháo hiệu làm tin, để thông tin với các thành ở Đông-đô, nghe tiếng pháo thì đến tiếp-ứng. Thế nhưng các thành ở Đông-đô, tự cứu mình không rồi, biết đâu đến chuyện khác!

Nhà-vua liền sai các tướng, mặt thủy, mặt bộ đều tiến; vây đánh quân giặc. Lại chia quân ra, chặn giữ các ải Mã-yên, Chi-lăng; Pha-lũy, Bàng-quan.

Bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc muốn tiến không được; muốn lui không xong, bèn giả vờ xin hòa. Nhà-vua nhất định từ chối không cho. Sai bọn Lê Hối, Lê Văn, Lê Khôi, lĩnh ba nghìn quân, bốn thớt voi, cùng bọn Lý, Sát, Nhân Chú, Văn An đánh phá quân giặc.

Giặc toàn quân bị hãm mất. Ta chém năm vạn đầu, bắt sống được Thôi Tụ, Hoàng Phúc cùng hơn ba vạn quân giặc. Giáo, mác, lừa, ngựa, vàng, bạc lụa, là, gấm, đoạn, từng hòm, từng đồng, chứa chất như núi, không thể kê xiết !

Còn bọn Kiềm-quốc-công là Mộc-Thạnh, Bảo-định-hà là Lương Minh, từ Vân-nam sang năm vạn quân, đóng đồn ở chợ Lê-hoa, cầm cự với bọn Lê Khả, Lê Trung, Lê Đại. Nhà-vua liệu chừng Mộc-Thạnh tuổi già, trải việc đã nhiều, lại vốn nghe tiếng quân ta, tất ngồi nhìn sự thắng bại của quân Liễu Thăng, không dám tiến liều ! Liền viết thư kín bảo bọn Sát, Khả, Đại, chỉ nên đặt quân phục để chờ, hãy chớ đánh nhau với giặc.

Kịp khi quân Liễu Thăng đã thua, Nhà-vua bèn lấy một viên Chỉ-huy, ba viên Thiên-hộ trong đám quân bắt được, cùng là bằng sắc, ấn-tín của Liễu Thăng; đưa sang trại quân Mộc-Thạnh !

Bên Mộc-Thạnh trông thấy cả kinh, bèn chạy trốn, vỡ lở, giày, xéo lên nhan ! Bọn Khả, Trung, Đại thừa thắng tung quân đuổi đánh, chém hơn vạn đầu, bắt được năm nghìn con ngựa ; cùng là khi-giới, vàng bạc, của báu, lụa là, không thể đếm xiết.

Khi ấy các thành giặc ở Đông-dô cùng các nơi khác, nghe tin hai lộ cứu binh đều đã thua vỡ, nhưng lòng còn nghi-hoặc, có điều chưa tin hết, nên vẫn còn đóng cửa thành chống giữ.

Nhà-vua bèn đem các tướng giặc bắt được là bọn Thôi Tu, Hoàng Phúc cùng hơn ba vạn quân, hai vạn ngựa, và các thứ gươm, giáo, chiêng, trống, cờ tàn, sớ sách, quả ấn Song-hồ-phù của giặc, để rao báo các thành ! Quân giặc mới khiếp sợ, đều cởi áo-giáp xin hàng.

Ngày mười-sáu tháng chạp, tướng giặc là Vương Thông, Mã Ảnh, Lý An, Trần Tri, Nội-quan là Mã Kỳ, Sơn Thọ, Phương Chính, Đặc Khiêm, cùng các viên chỉ-huy giữ thành Tây-dô là Hà Trung, giữ thành Chi-linh là Cao Tường, bèn đem tất cả các hạng ngục quan (người nước ta làm quan với giặc) lớn, nhỏ, và những nhân-dân nước ta bị bắt hiếp vào trong thành, đưa trả về đủ số. Chỉ xin được cho đem quân về Tàu.

Các tướng-sĩ cùng nhân-dân nước ta, không kể già, trẻ, trai, gái, bấy lâu khổ vì mọi sự tàn-ác của giặc: giết hại cha, mẹ, bà con họ, bèn đem nhau cố xin Nhà-vua giết cho hết bọn chúng để bỏ giặc cho Trời, Đất, Thần, Dàn; để hả lòng các trung-thần, nghĩa-sĩ ; để yên-ủi các hồn vô tội chịu oan khuất ; để gột rửa nỗi nhục vô cùng cho Nước-Nhà !

Nhà-vua với các tướng cùng người trong nước mà bảo họ rằng :

— Một lòng báo oán là thường tình của con người ta. Nhưng không thích giết người là bản-tâm của bậc nhân-giả. Vả chẳng người ta đã ra hàng mà ta lại giết đi thì không còn gì không lành hơn nữa ! Dữ kỳ há cái giận trong một sớm, mà chịu mang tiếng giết kẻ đầu hàng với muôn đời, thì sao bằng để sống hàng ức, vạn mạng người, mà dứt mối chiến-tranh về sau cho hai nước ? Sử xanh chép lại, nghìn thừa còn thơm ! Như thế lại không tốt đẹp hay sao ?

Bèn không nghe lời họ. Rồi sai các tướng giải vây lui ra. Lại đưa cho hơn năm-trăm chiếc thuyền, chỉ cấp cho đủ lương-thảo. Và đem các tướng giặc bắt được là bọn Thời-Tụ, Hoàng Phúc ; quân mới sang hơn hai vạn ; quả ấn Song-hồ-phù của Liễu Thăng ; cùng quân giặc trấn thủ ở các thành, trai, gái, lớn nhỏ, hơn ba mươi vạn ; giao cả cho tướng giặc là bọn Vương Thông ; bằng lòng cho hoặc thủy, hoặc bộ, tùy tiện muốn về đường nào thì về. Lại sai sứ dâng biểu xin lỗi.

Khi bọn Vương Thông về tới Long-châu, vua Minh đã biết trước quân Minh cùn-quẫn, việc đã đến thế, không còn làm thế nào được. Bèn sai sứ-thần đem sắc-thư, truyền cho các tướng đem quân về Tàu, trả lại đất cho An-nam. Còn việc vào châu đảng cố, lại theo lệ cũ đời Hồng-vũ, thông sứ đi lại.

Từ đó giáo, mác dẹp tan ; đất đai lấy lại ; trong nước thái-bình, nhân-dân yên nghiệp như cũ.

Nhà-vua từ khi khởi nghĩa, đến lúc bình được giặc, lấy lại được nước, bao nhiêu giấy tờ đi lại ở trong quân, đều sai văn-thần Nguyễn Trãi làm ra.

*Hết cuốn thứ hai*

### Cuốn thứ ba

Năm Mậu-thân (1428), tháng ba, Nhà-vua hội hết cả các tướng cùng các quan văn, võ, định phong, hành thưởng. Cứ theo công cao, thấp, mà sắp đặt phẩm cấp. Lại chia trong nước làm mười lăm đạo. Mỗi đạo đặt quân coi giữ. Mỗi quân đặt một viên tổng-quản ; lớn, nhỏ ràng-buộc nhau ; trong ngoài gìn-giữ nhau. Các đạo lại đặt ra chức Hành-khiển, chia giữ sổ-sách quân và dân. Sai sứ đi các nơi, tế các thần kỳ của Núi, Sông, Đền, Miếu; lễ tạ các lăng-tăm các triều vua trước. Truy-tôn các Tổ-tông và dâng thêm thụy hiệu.

Ngày mười bốn tháng tư, Nhà-vua lên ngôi Hoàng-đế, lấy niên hiệu là Thuận-thiên. Bèn sai Nguyễn-Trãi làm bài « **Bình Ngô Đại Cáo** ». Lời rằng :

# 平吳大誥

伐天行化皇上若曰，

仁義之舉務在安民，吊伐之師莫先去暴，惟我大越之國，實惟文獻之邦，山川之封域既殊，南北之風俗亦異，粵趙丁李陳之肇造我國，與漢唐宋元而各帝一方，雖強弱時或不同，而豪傑世未嘗乏，故劉蕡貧功而取敗，趙高好大而促亡，唆都既擒於誠子闕，馬兒又墮於白勝海，藉藉往古，曩有明徵，頃因胡政之頹苛，致使人心之怨叛，狂明伺隙因以毒我民，偽黨懷奸竟以賣我國，煽蒼生於虐焰，陷赤子於禍坑，欺天罔民詭計蓋千萬狀，連兵結孽稔惡殆二十年，敗義傷仁，坤幾手欲熄，重科厚劍山澤靡有孑遺，開金場則冒嵐瘴而斧山淘沙，掠明珠則觸蛟龍而鉅艦入海，擾民設玄虛之檻阱，珍物識翠翁之網羅，昆虫草木咸不得以遂其生，鯨寡顛連俱不得以安其所，浚生靈之血以潤斧鋸之吻牙，極土木之功以崇公私之廢宇，州里之征徭重困，閭閻之杼軸皆空，決東海之波不足以滌其污，罄南山之竹不足以書其惡，神之所共憤，天地之所不容。

余奮跡藍山，揆身荒野，念國憊豈可共戴，誓逆賊難與俱生，痛心疾首者垂十餘年，卧薪嘗膽者蓋非一日，發憤忘食，每研談韜畧之書，即古驗今，細推究興亡之理，寤寐不忘，當義兵初起之時，正賊勢方張之日，奈以人才秋葉，俊傑晨星，奔秦先後者既之其人，謀謀帷幄者又寡其助，特以救民之念每鬱鬱而欲求，故於待賢之車常汲汲而虛左，然其得人之效益若望洋，由己之心甚於拯溺，憤凶徒之未滅，念國步之猶屯，靈山之食盡兼旬，瓊縣之衆無一旅，蓋天欲困我以降厥任，故余益萬志以濟于艱，揭竿為旗氓隸之徒四集，投醪饗士父子之兵一心，以弱制強或攻人之不備，以寡敵衆常設伏以出奇，卒能以大義而滅凶殘，以至仁而易強暴，蒲靡之震驅

電掣，峇之竹破灰飛，士氣以之益增，軍聲以之大振，陳智山壽之徒聞風而禡，李安方政之輩假息以偷生，乘勝長驅南京既為我有，選鋒進取東都盡復舊疆，寧橋之血成川流，濕萬里，萃洞之尸滿野，遺臭千年，陳冷賊之腹心既梟其首，李亮賊之姦毒又暴厥尸，王通理亂而焚者益焚，馬瑛救門而怒者益怒，彼智窮而力盡束手待亡，我謀而心攻不戰自屈，謂彼必易心而改悔，此應復作孽以速辜，執一己之見而嫁禍於他人，貪一時之功而貽笑於天下，遂使宣德之狡童領兵無厭，爰命晟昇之儒將兵由溫兵而進，本年十月沐晟亦分途自雲南而來，予前既選伏卒塞險以推其鋒，後又調奇兵截路以斷其食，十八日柳昇既為我所攻，討墮於支棧之野，二十日柳昇又為我所敗，身死於馬鞍山，二十五日保定伯梁銘陣陷而喪軀，二十八日尚書曾李慶討竄而分頭，我既迎刃而解，彼仰倒戈相攻，繼而四面添兵以包圍，而以十月中旬而殄滅，爰選銳練之士，申命爪牙之臣，飲象河之水，磨刀而山石缺，一鼓而鯨鱣斷，再鼓而鳥獸崩驚，決潰蟻於崩堤，振墨風於檣葉，都督崔聚藤行而送款，尚書黃福面縛而就擒，僇尸塞於諒山諒江之遠，濺血赤於昌江平澗之水，風雲為之變色，日月慘以無光，非雲南兵善我軍所扼於梁閣自引疑三鳴而先已破胆，其沐晟等為我軍所敗於芹站遂躡藉奔潰而實得脫身，冷溝之血汗流江水為之鳴咽，升舍之尸山積野草為之殷紅，兩路救兵既不旋踵而俱敗，各城窮寇相率解甲以降，賊首成擒彼既掉困歎乞憐之尾，神武不殺余亦體上帝好生之心，參將方政內官馬駢等先給船五百餘艘既渡海而猶且魂飛魄喪，總兵王運參政馬瑛等又給馬數千餘匹已還國而益自履慄心驚，彼既畏死貪生而修好自誠，予以全軍為上而與民得息，非惟討謀之極其深遠，抑亦古今之所未見聞，社稷以之共安，山川以之改觀，乾坤既否而復泰，日月既晦而復明，予以開萬世太平之基，予以雪千古積窮之心，蓋由天地祖宗之靈有以陰相默佑而致然也，於戲，一戎大定遠成無競之功，四海永清誕布維新之語，悉括天下，戎使聞知。

## BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO

### DỊCH ÂM

*Đại Thiên hành Hóa, Hoàng-thượng nhược viết :*

Nhân, nghĩa chi cử, vụ tại an dân.  
Điều phạt chi sự, mạc tiên khứ bạo,  
Duy ngã Đại Việt chi quốc,  
Thực vi Văn-hiến chi bang.  
Sơn, xuyên chi phong vực ký thù.  
Năm Bắc chi phong tục diệc dị.  
Việt Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triệu tạo ngã quốc;  
Đừ Hán, Đường, Tống, Nguyên nhi các đế nhất  
phương.  
Tuy cường, nhược thời hoặc bất đồng,  
Nhi hào-kiệt thế vị thường pháp.  
Cổ Lưu Cung tham công nhi thủ bại.  
Triệu Tiết hiếu đại nhi xúc vong ;  
Toa Đô kỳ cầm ư Hàm-tử quan ;  
Mã Nhi hựu ế ư Bạch-đăng hải.  
Kê chư vãng-cổ,  
Quyết hữu Minh-trung.  
Khoảnh nhân Hồ chính chi phiên-hà,  
Trí sử nhân-tâm chi cán-bạn.



Cường Minh tứ kích, nhân dĩ độc ngã dân ;  
Nguy-dãng hoài gian, cánh dĩ mãi ngã quốc !  
Phiến thương sinh ư ngược diêm ;  
Hãm xích-tử ư họa khanh !

Khi thiên, vông dân, quý kẻ cái thiên-vạn trạng !  
Liên binh, kết hấn, năm ác đãi nhị thập-niên !  
Bại nghĩa, thương nhân, Kiền-khôn cơ-hồ dục tức !  
Trọng khoa, hậu liêm, sơn trạch mỹ-hữu nghiê-t-di !  
Khai Kim trường tắc mạo lam chướng nhi phủ  
sơn dào sa !  
Thái minh châu tắc xúc giao long nhi căng yêu  
xám hải !

Nhiều dân thiết huyền lộc chi hạm tịnh !  
Điền vật chức thúy cầm chi vông-la !  
Côn-trùng, thảo-mộc, hàm bất đắc dĩ toại kỳ sinh !  
Quan quả, điền-liên, cấu bất đắc dĩ an kỳ sở ;  
Tuần sinh-linh chi huyết, dĩ nhuận kiệt-hiệt chi  
vân nha !  
Cực thổ, mộc chi công, dĩ sùng công, tư chi giải  
vũ !

Chân lý chi chinh, dao trung khốn !  
Lư-diêm chi trử, trục giai không !  
Quyết Đòng-hải chi ba, bất túc dĩ trạc kỳ ô !  
Khánh Nam-sơn chi trúc, bất túc dĩ thư kỳ ác !  
Thần, nhân chi sở cộng phần !  
Thiên địa chi sở bất dong !

Dư, phần tịch Lam-sơn,  
Thê thân hoang-dã ;  
Niệm quốc thù khởi khả cộng đái.  
Thệ nghịch-tặc nan dữ cầu sinh !  
Thống tâm, tạt thủ giả, thù thập dư niên !  
Ngọa tàu, thường đởm giả, cái phi nhất nhật !

Phát phần vong thực, mỗi nghiên đàm Thao-  
lược chi thư ;

Tức cổ; nghiệm kim, tế suy cứu hưng, vong chi lý.

Đồ hồi chi chi,

Mụ-my bất vong!

Đương nghĩa binh sơ khởi chi thì,

Chinh tặc thế phương trương chi nhật.

Nại dĩ : nhân-tài thu diệt!

Tuấn-kiệt thần tinh!

Bôn, tấu tiên, hậu giả ký pháp kỳ nhân!

Mưu-mô duy-ác giả hựu quả kỳ trợ!

Đặc-dĩ cứu dân chi niệm, mỗi uất uất nhi dục  
Đông!

Cổ ư dài hiền chi xa, thường cấp cấp nhi hư Tả!

Nhiên kỳ : đặc nhân chi hiệu, mang nhược vọng  
đương!

Do kỹ chi tâm, thâm ư chứng nịch!

Phần hung-đồ chi vị diệt ;

Niệm quốc bộ chi do chuân ;

Linh-sơn chi thực tận kiêm tuần!

Côi-huyện chi chúng vô nhất lữ!

Cái thiên dục khốn ngã dĩ giáng quyết nhiệm.

Cổ dư ích lệ chi dĩ tế vu gian!

Yết can vi kỳ, manh lệ chi đồ tứ tập!

Đầu giao hưởng sĩ, phụ-tử chi binh nhất tâm!

Dĩ nhược chế cường, hoặc công nhân chi bất bị.

Dĩ quả địch chúng, thường thiết phục dĩ xuất kỳ!

Tốt năng dĩ đại nghĩa nhi diệt hung-tàn ;

Dĩ chí nhân nhi địch cường-bạo.

Bồ-dăng chi đình khu điện xiết!

Trà-lân chi trúc phá, hời phi!

Sĩ khí dĩ chi ích tăng!

Quân thanh dĩ chi đại chấn!

Trần Trí, Sơn Thọ chi đồ, văn phong nhi trử phách !  
Lý An, Phương Chính chi bối, giả tức dĩ thâu sinh !  
Thừa thắng trường khu, Tây-kinh kỳ vi ngã hữu !  
Tuyển phong tiến thủ, Đông-dô tận phục cựu  
cương.

Ninh-kiều chi huyết thành xuyên, lưu tinh vạn lý !

Tốt-dộng chi thi mẫn dã, di xú thiên niên !

Trần Hiệp tặc chi phúc tâm, ký cựu kỳ thủ !

Lý Lương tặc chi gian tố, hựu bộc quyết thi !

Vương Thông lý loạn nhi phần giả ich phần !

Mả Ánh cứu đấu nhi nô giả ich nô !

Bỉ tri cùng nhi lực tận, thúc thủ đãi vong !

Ngã mưu phạt nhi tâm công, bất chiến tự khuất !

Vị bỉ bất địch tâm nhi cải lự.

Khởi ý phục tác nghiệt dĩ tốc cô !

Chấp nhất kỷ chi kiến nhi giá họa ư tha nhân ;

Tham nhất thi chi công, nhi di tiểu ư thiên hạ !

Toại sử Tuyên-đức chi giáo đồng, độc binh vô yếm !

Viên mạnh Thạnh, Thăng chi nọa tướng, dĩ du  
cứu phần !

Đình-vị cứu nguyệt, Liễu Thăng tự dẫn binh, do  
Ôn-khâu nhi tiến.

Bản niên thập nguyệt, Mộc Thạnh diệc phân đạo  
tự Vân-nam nhi lai.

Dư tiền ký tuyển phục tốt tặc hiểm, dĩ tời kỳ phong ;

Hậu hựu diệp kỳ binh tiết lộ, dĩ đoạn kỳ thực.

Thập-bát nhật, Liễu Thăng kỳ vi ngã sở công, kế  
trụ ư Chi-lãng chi dã !

Nhị-thập nhật, Liễu Thăng hựu vi ngã sở bại thân  
tử ư Mã-yên chi sơn !

Nhị-thập-ngũ nhật, Bảo-định-bá Lương Minh trạ  
hãm nhi tăng khu !

Nhị-thập-bát nhật, Thượng-thư tào Lý Khánh,  
kế cùng nhi văn cảnh !

Ngã ký nglinh nhận nhi giải !

Bỉ tức đảo qua tương công !

Ký nhi tứ diện thiêm binh dĩ bao vi ;

Ký dĩ thập-nguyệt trung tuần nhị điều diệt.

Viên mạnh tý-hưu chi sĩ ;

Thân sử trảo-nha chi thần ;

Am-tượng nhi hà thủy can !

Ma đao nhi sơn thạch khuyết !

Nhất cổ nhi kinh khoa, ngạc đoạn !

Tái cổ nhi điều tán, huân kinh !

Quyết hội nghĩ ư băng-đê !

Chấn cương-phong ư khô-diệp !

Đô-đốc Thôi Tụ tất hành nhi tống khoản !

Thượng-thư Hoàng Phúc diện phọc nhi tỵ cầm !

Cương-thi tắc ư Lạng-sơn, Lạng-giang chi đồ !

Tiên huyết xích ư Xương-giang, Bình- than chi  
thủy !

Phong vân vị chi biến sắc !

Nhật, nguyệt thâm dĩ vô quang !

Kỳ Vân-nam binh vi ngã quân sở ách ư Lê-quan,  
tự đồng nghi, khu-át nhi tiên dĩ phá đởm !

Kỳ Mộc Thạnh đảng vi ngã quân sở bại ư Càn-  
trạm, toại lạn tạ, bôn hội nhi cận đắc thoát thân !

Lãnh-câu chi huyết chủ lưu, giang thủy vị chi ó  
yết !

Đan-xá chi thi sơn tích, dã thảo vị chi ân hồng !

Lưỡng lộ cứu binh, ký bất toàn chủng nhi cầu bại !

Các thành cùng khấu, suất tương giải giáp dĩ xuất  
hàng !

Tặc thủ thành cầm, bỉ ký trạo khốn thủ khát liên  
chi vĩ !

Thần-vũ bắt sát, dư diệc thê Thượng-đế hiếu sinh  
chi tâm!

Tham-tướng Phương Chính, Nội-quan Mã Kỳ  
đẳng, tiên cấp thuyền ngũ bách dư sru, kỳ độ hải  
nhi do thả hồn phi phách táng!

Tổng-binh Vương Thông, Tham-chinh Mã Ảnh  
đẳng, hựu cấp mã sở thiên dư thất, dĩ hoàn quốc nhi  
ích tự cồ lật, tâm kính!

Bỉ ký úy tử, tham sinh, nhi tu hiếu hữu thành.

Dư dĩ toàn quân vi thượng, nhi dữ dẫn đặc tức.

Phi duy kế mưu chi cực kỳ thâm-viễn;

Ưc diệc cồ kim chi sở vị kiến-văn!

Xã-tắc dĩ chi diện-an.

Sơn xuyên dĩ chi cải quán.

Kiền-khôn ký dĩ nhi phục thái.

Nhật, Nguyệt, ký hồi nhi phục minh.

Vu dĩ khai vạn thể thái-bình chi cơ!

Vu dĩ tuyết thiên-cổ vô cùng chi sử!

Cái do Thiên, Địa, Tò, Tông chi linh hữu dĩ âm  
tướng, mặc-hựu nhi trí nhiên dã;

Ô-hồ!

Nhất nhưng đại định, bất thành vô cạnh chi công!

Từ hải vịnh thanh, đảm bá duy-tàn chi cáo!

Bá cáo Thiên-hạ.

Hàm sử văn, tri!

## DỊCH NGHĨA

*Thay Trời giáo-hóa, Hoàng-thương truyền rằng :*  
Làm việc trọng nhân vì nghĩa, cốt là yêu đám  
lương-dân.

Cất quân hồi tội, cứu đời, trước phải trừ loài  
tàn-bạo !

Thử xét nước nhà : Đại Việt.

Vốn là xứ-sở văn-minh.

Cõi bờ của sông, núi đã chia.

Phong-tục của Bắc, Nam cũng khác.

Từ Triệu Đinh, Lý, Trần, đã dựng thành một nước;  
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, đều làm chúa  
một phương.

Dù mạnh yếu có lúc không đều ;

Nhưng hào-kiệt chưa đời nào thiếu !

Cho nên : Triệu Tiết thích lớn mà mau mất !

Lưu Cung tham công mà hóa thua !

Mã Nhi đã chết ở bể Bạch-dăng !

Toa Đô lại tù ở ải Hàm-tử !

Xét về đời trước,

Gương đã rõ ràng !

Gần đây vì họ Hồ phép ngặt, lệnh phiền ;

Đến nỗi khiến dân nước lòng lia, dạ oán.

Giặc Minh dờm-dở, bèn mượn thế tàn dân !



Ta, cất bước núi Lam :

Nương thân nội cỏ.

Nghĩ thù nước, Trời không chung đội !

Thề giặc ngoài, thế chẳng sống đời !

Vò đầu, nát ruột, kẻ đã hơn mười năm !

Nếm mật, nằm chông, nào phải mới một sớm !

Quên bữa chỉ vì lòng tức-bực, sách lược-thao  
thường vẫn đọc, bàn.

Theo xưa mà nghiệm việc đời nay, lẽ hưng-phế  
kỹ-càng suy-xét.

Tấm lòng khôi-phục.

Thức, ngủ không quên !

Quán nghĩa ta mới nổi lúc đầu,

Thế giặc nó chính đương còn mạnh.

Khốn nổi : tuần-kiệt như sao buổi sớm !

Nhân-tài như lá mùa thu !

Bên mình thua, chạy, đã thiếu tay sai ;

Trong trường tính-toan lại ít người giúp.

Nhưng sốt ruột cứu bầy dân-chúng, thường bồn-  
chồn muốn đánh sang Đông ;

Nên sắp xe đợi bậc hiền-tài, vẫn thành-kinh bỏ  
không phía Tả.

Thế nhưng : mờ-mịt như trông ra bề, người có  
thấy ai !

Vội vàng hơn vớt dấm dò, ta nò nắn dạ !

Giận lũ giặc chưa đến ngày tuyệt diệt !

Thương nước-nhà còn đương bước long-đong !

Cơ Linh-sơn chịu thiếu hàng tuần !

Quán Côi-huyện không còn thành đội !

Chắc trời muốn thử người dễ giao cho công-việc ;

Nên Ta càng gắng chí, dễ vượt khỏi gian-nan !

Vì bề làm cớ, dân cày-cuốc nổi theo từ phía !



Rượu hòa thêm nước, quân cha-con vốn dốc một  
lòng !  
Đánh người hoặc nhân lúc hở cơ, yếu đề được  
mạnh !  
Bày kế thương đặt quân mai phục, ít địch nổi  
nhiều.

Rút lại : lấy đại-nghĩa mà diệt lũ hung-tàn ;  
Lấy chí-nhân mà thay được phường  
cường-bạo.  
Quân Đờ-bằng sấm vang, chớp nhoáng !

Giặc Trà-lân nửa chẻ, tro bay !  
Hăng-hái vì thế tăng thêm ;  
Tiếng-tăm từ đó lừng-lẫy !  
Lũ Trần Tri, Sơn Thọ, vĩa tan theo gió !  
Bọn Lý An, Phương Chính, sống tạm từng hơi !  
Thừa thắng đuổi dài, chiếm-cứ được thành Tây-  
kinh trước.

Kén tài tiến đánh, thu phục hết đất Đông-dô xưa !  
Ninh-kiều máu chảy thành sông, tanh lây muôn  
dặm !

Tốt-động thấy năm đầy nội, đề thối nghìn thu !  
Lý Lương là sâu mọt dân, ta đã đem phanh xác !  
Trần Hiệp là tay chân quân giặc, cũng bị bêu đầu !  
Vương Thông dẹp loạn mà nơi cháy lại cháy thêm.  
Mã Ảnh gỡ đòn mà kẻ giận càng giận dữ !  
Tri đã cùn, sức đã kiệt, chúng bó tay đợi chết  
biết sao !

Phá bằng mưu, công bằng lòng, ta không đánh  
mà được là thế.

Trông chúng tất biết nghĩ và đổi bụng dạ.  
Nào ngờ còn gây chuyện để thêm tội-tình.  
Gieo tai-vạ cho kẻ khác, chỉ chấp theo ý-kiến riêng  
mình.

Làm trò cười cho người đời, bởi tham được thành  
công chốc lát.

Xui-khiến thẳng nhãi ranh Tuyên đức, không  
chán dụng binh !

Bèn sai phò mã tướng khờ Thạch, Thăng, đem  
dầu chữa cháy !

Tháng chín Đinh-mùi Liễu Thăng tự dẫn quân  
đo Ôn-khâu tiến đánh.

Tháng mười năm ấy, Mộc Thạch cũng chia ngả  
từ Văn-nam kéo sang.

Ta : Trước đã kén quân phục nấp nơi hiểm-yếu,  
đánh cho tan đội tiên-phong.

Sau lại cho kỵ-binh chặn lối đi về, cắt cho  
đứt đường lương-thực.

Ngày mười-tám, mắc mưu ở ải Chi-lăng, Liễu  
Thăng đã bị ta đánh bại !

Ngày hai-mươi, thua trận ở núi Yên-ngựa, Liễu  
Thăng lại bị ta chém đầu !

Ngày hai mươi lăm, Bảo-định-bá là Lương Minh,  
trận võ phải liễu mình.

Ngày hai mươi tám, Thượng thư Tào là Lý Khánh  
kế cùn tự đâm cổ !

Ta đã tiến đầu được đấy !

Nó liền giở giáo đánh nhau,

Kể đó thêm quân bốn mặt đề bao vây !

Hẹn đến trung tuần tháng mười là diệt hết !

Bèn sai các tướng nanh-vuốt,

Đem theo những lính hùm-beo,

Voi uống mà cạn nước sông !

Dao mài đủ lở đá núi !

Một trận mà bần kinh, chém ngọc !

Hai trận mà xây nghe, tan đàn !

Tươi tở kiến bằng thể nước tràn !  
 Rung lá khô bằng làn gió mạnh.  
 Đò.đốc Thời Tụ quý gối mà đưa lễ ;  
 Thương-thư Hoàng Phúc, tro mặt mà nộ mình !  
 Xác chết đầy cả đòng Lạng-son, Lạng-giang !  
 Máu chảy đỏ cả nước Bình-than, Xương-thủy !  
 Muốn dậm gió, mây, đổi màu ảm-đạm !  
 Hai vầng nhật, nguyệt. ánh-sáng lu lò !  
 Quân Văn-nam bị ta chẹn lối ở Lê-quan, tự ngờ  
 sợ, bàng-hoàng, mà vỡ cả mặt !  
 Bọn Mộc Thạnh bị ta đánh bại ở Cần-trạm, tự  
 giãy xéo, tan vỡ, chỉ thoát được thân !  
 Lãnh-câu máu chảy trôi chầy, nước sông khóc  
 thảm !  
 Đan-xá thầy chông bằng núi, cỏ nội dẫm hồng !  
 Quân cứu hai đường, chưa kịp quanh chân đã vỡ !  
 Giặc tàn các ngã, cùng nhau cởi giáp xin hàng !  
 Tướng giặc bị tù, thú sa bẫy đã vẫy đuôi xin  
 mạng !  
 Oai thần không giết, Trời chí công nên mở lượng  
 hiếu sinh !  
 Bọn Tham-tướng Phuong Chính, Nội-quan Mã Kỳ,  
 cấp trước cho hơn năm trăm thuyền, vượt bể rồi  
 mà vẫn hồn xiêu, vía lạc.  
 Bọn Tổng-binh Vương Thông, Tham-chính Mã  
 Ánh, về nước rồi mà còn lòng khiếp người run !  
 Nó đã tham sống, sợ chết, mà thực bụng giằng  
 hòa.  
 Ta lấy toàn quân là hơn, để cho dân nghỉ sức.  
 Chẳng những mưu-kế thực sâu-xa tốt bực !  
 Mà cũng xưa nay chưa nghe thấy bao giờ !  
 Non sông rày đã khác xưa !

Xả.tắc từ dày yên vững !  
Ánh Ác, Thỏ tối rồi lại sáng !  
Lẽ Kiền-khôn cùng mãi phải thông !  
Đề gây-dựng nền thái.bình cho muôn đời !  
Đề gội-rửa nhục vô-cùng cho cả nước !  
Cũng là nhờ Trời, Đất, Tổ-tông linh-thiêng, đã  
ngấm-ngâm phù-hộ mà được như thế này !  
Than ôi ! Mảng giáp dẹp yên hết cả, gây được nên  
công-nghiệp phi thường.  
Bốn phương phẳng-lặng từ nay, bảo cho biết cuộc  
đời đời mới.

Bá cáo thiên-hạ,  
Đâu đấy đều hay !

*TRÍCH - LỤC*  
BẢN DỊCH CỦA CỤ BÙI KỶ

Tượng mảng :

Việc nhân-nghĩa cốt ở yên dân,  
Quân điều-phạt chỉ vì khừ bạo,  
Như nước Việt ta từ trước,  
Vốn xưng văn-hiến đã lâu,  
Sơn-hà cương-vực đã chia,  
Phong.tục bắc nam cũng khác.  
Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nền độc-lập,  
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng-cử một  
phương,  
Dẫu cường nhược có lúc khác nhau,  
Song hào-kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên  
Lưu Cung sợ uy mất vía,  
Triệu Tiết nghe tiếng giạt mình,  
Cửa Hàm-tử giết tươi Toa Đô,

Sông Bạch-dăng bắt sống Ô Mã,  
Xét xem cổ-tích,  
Đã có minh-trung,  
Vừa rồi

Vi họ Hồ chính-sự phiến-hà,  
Đề trong nước nhân-dân oán bạn,  
Quân cường Minh đã thừa-cơ tứ ngược,  
Bọn gian-tà còn bán nước cầu vinh,  
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung-tàn,  
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai-ạ.  
Chước dối đủ muôn nghìn khoé,  
Ác chứa ngót hai mươi năm.  
Bại nhân-nghĩa nát cả càn-khôn,  
Nặng khóa-liêm vết không sơn-trạch  
Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bèo châu,  
Nào hồ bẫy hươu đen, nào lưới dò chim trắng,  
Tàn-hại cả côn-trùng thảo-mộc,  
Nheo-nhóc thay ! quan quả diên liên  
Kẻ há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bấy ! no-  
nê chưa chán,  
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục-  
dịch cho vừa,  
Nặng-nề về những nổi phu-phen,  
Bắt-bớ mắt cả nghề canh-cửi.  
Độc-ác thay ! trúc rừng không ghi hết tội,  
Ơ-bần thay ! nước bể khôn rửa sạch mùi,  
Lẽ nào trời đất tha cho,  
Ai bảo thần-nhân nhịn được.

Ta đây :

Núi Lam-sơn dấy nghĩa,

Chốn hoang-dã nương mình,  
Ngắm non sông cảm nỗi thế thù,  
Thề sống chết cùng quân nghịch-tặc,  
Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa,  
Nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối,  
Quên ăn vì giận, sách lược-thao suy-xét đã linh,  
Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng-phế dần-đo càng kỹ.  
Những trần-trọc trong cơn mộng-mị,  
Chỉ băn-khoăn một nỗi đồ hồi.  
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,  
Chính lúc quân thù đang thịnh.

Lại ngặt vì :

Tuấn-kiệt như sao buổi sớm,  
Nhân-tài như lá mùa thu,  
Việc bôn-tẩu thiếu kẻ đỡ-dần,  
Nơi duy ác hiểm người bàn-bạc.  
Đòi phen vùng-vẫy, vẫn dăm-dăm con mắt đục đòng  
Mấy thửa đợi chờ, luống dằng-dặng cỗ xe hư-tả,  
Thế mà trông người, người càng vắng ngắt, vẫn mịt-  
mù như kẻ vọng dương,  
Thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội-vã như kh  
chứng nịch,  
Phần thì giận hung-dồ ngang-dọc,  
Phần thì lo quốc-bộ khó-khăn,  
Khi Linh-sơn lương hết mấy tuần,  
Khi Khôi-huyện quân không một đội,  
Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua  
bách chiết thiên ma,  
Cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh  
thập tử.

Múa đầu gây ngọn cờ phất-phới, ngóng vãn-nghe  
bốn cõi đan hồ,

Mở tiệc quân chén rượu ngọt-ngào, khắp tướng-sĩ  
một lòng phụ-tử.

Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi,  
Quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay :

Đem đại nghĩa để thẳng hung-tàn,

Lấy chí nhân mà thay cường-bạo.

Trận Bồ-dăng sấm vang sét dậy,

Miền Trà-lân trúc phá tro bay,

Sĩ-khí đã hăng,

Quân-thanh càng mạnh.

Trần Trí, Sơn Thọ, mất vía chạy tan.

Phương Chính, Qui An tìm đường trốn-tránh.

Đánh Tây-kinh phá tan thế giặc.

Lấy Đông-đô thu lại cõi xưa,

Dưới Ninh-kiều máu chảy thành sông,

Bến Tuy-động xác đầy ngoài nội.

Trần Hiệp đã thiệt mạng,

Lý Lương lại phơi thây.

Vương Thông hết cấp lo-lường,

Mã Anh khôn đường cứu-đỡ

Nó đã tri cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao,

Ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người  
chịu khuất.

Tướng nó đã thay lòng đổi dạ, biết lẽ tới lui,

Ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội-  
nghiệt.

Cây mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người,

Tham công một thời, chẳng bỏ bày trò dở-duốc.  
Đến nỗi đưa trẻ con như Tuyên-đức, nhằm võ  
không thời.

Lại sai đồ nhút-nhát như Thạnh, Thăng đem dầu  
chữa cháy.

Năm Đinh-mùi tháng chín,  
Liễu Thăng tự Khâu-ôn tiến sang, (1)

Mộc Thạnh tự Vân-nam kéo đến.

Ta đã điều binh thủ hiểm, để ngăn lối Bắc-quán,  
Ta lại sai tướng chẹn ngang, để tuyệt đường  
lương-đạo.

Mười-tám, Liễu Thăng thua ở Chi-lãng, (2)

Hai-mươi, Liễu Thăng chết ở Mã-yên,

Hai-mươi-lăm, Lương Minh trận vong,

Hai-mươi-tám, Lý Khánh tự vẫn,

Lưỡi dao ta đang sắc,

Ngọn giáo giặc phải lùi,

Lại thêm quân bốn mặt vây thành

Hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc.

Sĩ-tốt ra oai ti-hồ,

Thần-thứ đủ mặt trảo nha.

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,

Voi uống nước, nước sông phải cạn.

Đánh một trận sạch không kinh-ngạc.

Đánh hai trận tan-tác chim-muông.

Cơn gió to trút sạch lá khô,

Tổ kiến hồng-sự toang đê cũ.

---

(1) Tiếng sang với cháy không theo niêm.

(2) Tiếng lãng với đạo không theo niêm. Hai chỗ này là tự-sự  
có thể dùng lối tản hành, không theo niêm cũng được.



Thời Tụ phải quì mà xin lỗi,  
Hoàng Phúc tự trói để hàng.  
Lạng-giang, Lạng-son, thầy chất đầy đồng,  
Xương-giang, Bình-than, máu trôi đỏ nước.  
Ghê-gớm thay ! sắc phong-vân phải đổi,  
Thảm-dạ thay ! sáng nhật-nguyệt phải mờ.  
Bình Vân-nam nghẽn ở Lê-hoa, sợ mà mất mặt.  
Quân Mộc Thạnh tan chưng Càn-trạm, chạy để  
thoát thân,  
Suối máu Lãnh-câu, nước sông rền-rĩ,  
Thành xương Đan-xá, cỏ nội đầm-dia.  
Hai mặt cứu-binh, cầm đầu trốn chạy,  
Các thành cùng khấu, cõi giáp xuống đầu.  
Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội,  
Thề lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh.  
Mã Kỳ, Phương Chinh, cấp cho năm trăm chiếc  
thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực,  
Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa,  
về đến Tàu còn đồ mờ-hời.  
Nó đã sợ chết cầu hòa, mở lòng thú-phục,  
Ta muốn toàn quân làm cốt, cả nước nghỉ-ngoi.  
Thế mới là mưu-kế thật khôn,  
Vả lại suốt xưa nay chưa có.  
Giang-san từ đây mở mặt,  
Xã-tắc từ đây vững-bền.  
Nhất-nguyệt hối mà lại minh,  
Kiền-khôn bỉ mà lại thái.  
Nền vạn thế xây nên chẵn-chẵn.  
Thẹn ngò thu rửa sạch lâu-làu.

Thế là nhờ trời đất tổ-tông khôn-thiêng giúp-đỡ  
cho nước ta vậy.

Than ôi !

Vẫy-vùng một mảnh hung-y, nên công đại định.  
Phẳng-lặng bốn bề thái-vũ, mở hội vĩnh-thanh,  
Bá cáo xa gần,  
Ngỏ cùng nghe biết.

\*  
\* \*

Nguyên trước Nhà-vua kinh-doanh việc bốn  
phương, Bắc đánh giặc Minh, Nam đuổi quân Lào,  
minh trải trăm trận, đến đâu được đấy, chỉ dùng có  
quan võ là bọn Lê Thạch, Lê Lễ, Lê Sát, Lê Vấn, Lê  
Lý, Lê Ngân, ba mươi lăm người ; quan văn là bọn  
Lê Văn Linh Lê quốc Hưng ; cùng những quan-thần  
như cha, con ; hai trăm thiết.kỵ, hai trăm nghĩa-sĩ,  
hai trăm dũng-sĩ và mười bốn thớt voi. Còn bọn  
chuyên-chở lương-thảo, cùng già yếu đi hộ-vệ vợ  
con, cũng chỉ hai nghìn người mà thôi.

Trước đó có tên Hồ Ông, là con đũa ăn-mày, đổi  
tên là Cầm Quý, nhận bảo là con-cháu vua Trần.  
Khi ấy người trong nước khổ vì những chính-lệnh  
ngặt-nghèo của giặc, mong tìm được người làm chủ.  
Mà Nhà-vua thì nóng lòng muốn diệt giặc cứu dân,  
bèn sai người đón dựng làm vua, để quyền-nghi  
công-việc một thì, nênban đầu cũng chẳng kén-chọn  
gì hiền hay ngu, thực hay giả. Sau khi giặc yên, các  
quan đều dưng sớ cố sức can. Cho là Hồ Ông không

có công gì với dân, sao đáng ăn trên ngai trước mọi người, nên trừ đi cho sớm.

Nhà-vua biết thế là phải, nhưng lòng còn không nở, lại càng hận-đãi thêm.

Hắn tự biết người trong nước không phục, trong lòng hồ-thẹn, bèn ngầm cùng tên giặc là Văn Duệ thông mưu làm phản, để cho mau đáng tội chết ! Chẳng phải « tự mình làm mình » thì đâu đến nỗi thế !

Trong khi muôn việc có rồi, Nhà-vua thường cùng các quan bàn-luận về duyên-cớ thịnh suy, được, mất từ xưa đến nay. Cùng là giặc Ngô sở dĩ thua, Nhà-vua sở dĩ thắng là vì có làm sao ?

Các quan đều nói rằng :

— Người Ngô hình-phạt tàn-ác, chính-lệnh ngược-ngược, mất hết cả lòng dân. Nhà-vua làm trái lại đạo của chúng, lấy nhân mà thay bạo, lấy trị mà thay loạn, vì thế cho nên thành công được mau-chóng là thế !

Nhà-vua phán rằng :

— Lời các thầy nói, tuy là đúng lẽ, nhưng cũng còn có điều chưa biết. Trẫm trước gặp lúc loạn-ly, nương mình ở Lâm-sơn, vốn cũng mong giữ toàn được tinh-mệnh mà thôi ! Ban đầu cũng không có lòng muốn lấy thiên-hạ. Đến khi quân giặc càng ngày càng tàn-ác, dân không sao sống nổi ! Bao nhiêu người tri-thức, đều bị chúng hãm-hại. Trẫm đã chịu khảnh-kiệt cả gia-tài để thờ-phụng chúng ! Vậy mà chúng vẫn đem lòng muốn hại Trẫm, không chịu buông tha ! Việc khởi nghĩa, thực cũng là bất-đắc-dĩ mà Trẫm phải làm ! Trong lúc ấy, Trẫm thân

trợ quê người, vợ, con, thân-thích, đều tán-lạc hết !  
Cơm không đủ hai bữa ! Áo không phân Đông, Hè !  
Lần gặp nạn ở núi Chi-linh, quân thua, lương hết !  
Trời kia bắt lòng ta phải khổ, trí ta phải mệt, đến  
thế là cùng ! . . . Trâm thương dự bảo các tướng-sĩ  
rằng : « Hoạn-nạn mới gây nổi nước ! Lo-phiền mới  
đúc nên tai ! Cái khôn-khở ngày nay là trời thử ta  
đó mà thôi ! Các thầy nên giữ vững lòng xưa, cầu-  
thận, chớ vì thế mà chán-nản ». Vậy mà tướng-sĩ  
cũng dần dần lần trốn ! Theo Trâm trong cơn hoạn-  
nạn, mười người không được lấy một, hai ! Còn bỏ  
Trâm mà đi, thì đại-loại là phùng ấy cả ! Kể như  
lúc ấy, nào ngờ lại có ngày nay ! May mà Trời chán  
đưa giặc ! Phàm lúc giặc làm cho Trâm cùn, trí  
Trâm lại càng thêm rộng ! Phàm cách giặc làm cho  
Trâm khổ, lòng Trâm lại càng thêm bền. Trước  
kia quân-linh đói thiếu, giờ lại nhờ lương của  
giặc mà số trừ - súc của ta càng sẵn ! Trước kia  
quân-linh lần-trốn, giờ lại mượn binh của giặc, mà  
trở giáo để chúng đánh nhau ! Giặc có bao nhiêu  
mác, mộc, cung, tên. ấy là giúp cho ta dùng làm  
chiến-cụ ! Giặc có bao nhiêu bạc, vàng, của báu,  
ấy là cung cho ta lấy làm quân-lương ! Cái mà  
chúng muốn dùng để hại ta, lại trở lại làm hại  
chúng ! Cái mà chúng muốn dùng để đánh ta, lại trở  
lại để đánh chúng ! Chẳng những thế mà thôi : Kia  
như nước Ai-lao, với Trâm là nước láng-giềng,  
trước vẫn cùng nhau giao-hảo. Khi Trâm bị giặc vây  
khốn, đem quân sang nương-nhờ. Nghĩ rằng môi  
hở, răng lạnh, thế nào chúng cũng chứa ta ! Nào  
ngờ quân dạ thú, lòng lang, thấy ta bị tai-va, thì lấy  
làm vui-sướng ! Rồi thông tin với giặc, ngầm chứa  
mưu gian, muốn để bắt vợ con của quân ta ! Vậy mà

ta tìm cách để đối-phó với chúng, thật là thông thả có thừa ! Nó vốn trông vào quân giặc để đánh-úp ta ! Ta cũng nhân vào thế nó, để đánh lui giặc ! Nó vốn lấy khách đãi ta ! Ta cũng lấy khách mà xử nó ! Phàm ý nó muốn làm gì, ta tất biết trước ! Về nó muốn động dầu, ta tất chẹn trước ! Cho nên có thể lấy đất đai của nó, làm nơi chứa quân cho ta ; lấy hiềm-trở của nó, làm nơi lừa giặc của ta ! Binh-pháp dạy : « Lấy khách làm chủ, lấy chủ làm khách », có lẽ là như thế chăng ? Thế nhưng Trẫm đối-dãi với ai cũng hết lòng thành-thực. Thà người phụ ta, ta chớ phụ người ! Phàm kẻ bất bình vì một việc nhỏ, mà đem lòng kia khác, Trẫm thường tha thứ, đong cho có lối dỗi lỗi. Tuy nhiều khi chúng trở mặt làm thù ngay, nhưng Trẫm thường tin-dùng như gan-dạ ! Biết dỗi lỗi thì thôi, không bới lòng-tim vết làm gì ! Ấy cũng là bởi Trẫm trải nhiều lo nghĩ, nếm đủ gian-nan, cho nên biết nén lòng nhịn tức, không lấy việc nhỏ mà hại nghĩa lớn, không lấy ý gần mà nhãng mưu xa. Trong khoảng vua, tôi, lấy nghĩa cả mà xử với nhau, thân như ruột thịt, có gì mà phải ngờ-vực. Thế cho nên có thể được lòng người, mà ai ai cũng vui lòng tin theo. Tuy vậy, trong khi hoạn-nạn, mười chết, một sống, kẻ làm vào nguy-hiềm là thường ! Ngày nay may được thành công, là do Hoàng-Thiên giúp-đỡ, mà Tò Tiên Trẫm chứa nhân tích đức đã lâu, cũng ngắm-ngàn phù-hộ, cho nên mới được thế. Đòi sau kẻ làm con-cháu Trẫm, hưởng cái giàu-sang ấy, thì phải nghĩ đến Tò, Tông Trẫm tích-lũy nhân-đức đã bao nhiêu là ngày, tháng ; cùng công-phu Trẫm khai sáng cơ-nghiệp bao nhiêu là khó khăn ! Mặc những gấm-vóc rực-rỡ, thì phải nghĩ đến Trẫm ngày xưa áo, quần lam-

lũ, không kể Đông, Hà ! Hưởng những cỗ-bàn ngon-lành, thì phải nghĩ đến Trăm ngày xưa hàng tháng thiếu lương, chịu đói nhịn khát ! Thấy đèn-dài lộng-lẫy, thì phải nghĩ đến Trăm ngày xưa ăn mưa, nằm cát, trốn lủi núi rừng ! Thấy cung-tần dòng, đẹp, thì phải nghĩ đến Trăm ngày xưa thất-thếu quê người, vợ con tan-tác ! Nên nhớ rằng *Mệnh Trời* nào chắc được *không thường*, tất phải suy-tinh nỗi khó khi mưu-toan việc dễ. Nghiệp lớn khó gây mà dễ hỏng, tất phải cẩn-thận lúc đầu mà lo tinh về sau. Phải đề-phòng đầu mối họa-loạn, có khi vì yên-ổn mà gây nên. Phải đón-ngăn ý-nghĩ kiêu-xa, có khi vì sung-sướng mà sinh sự ! Có như thế thì họa là mới giữ-gìn được. Nên Trăm nghĩ làm ra bộ sách này, thực là rất trông-mong cho con-cháu đời sau !

# PHỤ-LỤC

---

---

## I Lời bình (1)

Âm không cùng thì Dương không nảy. Loạn không cực thì đức không sinh. Đó là lời bàn thông-thường xưa, nay ! Nước Việt ta từ nhà Nhuận-Hồ trái đạo, trong nước mất trông mong. Người Minh nhân dịp ấy đem quân sang lấn. Giả-vờ làm quân nhân-nghĩa ; ngầm-ngài tính việc xâm-lãng ! Tàn-hại nhân-dân ; cướp lấy của báu. Rồi đó gồm nuốt nước ta, chia đặt quận, huyện. Thay-đổi phong-tục của ta ; hiếp trao quan-tước của họ. Dân ta trong lúc ấy, đã khổ về chính-lệnh nhà Hồ nghiêm-ngặt, lại thảm nỗi quan-lại bên Minh rút-bòn ! Quân-chúng thở-than, không kêu-gọi vào đâu cho được ! Dù đương-thời có những trang quyền-biến, tri-thức, cũng chẳng qua nấu hình, lẩn bóng, tránh tiếng, trốn đời để giữ mình cho khỏi bị hại mà thôi !

Vi không có bậc Thánh-nhân ra, thu lại đám dân tan-tác, cứu cho vận nước long-đông, thì ngôn-ngữ

---

Của các quan đời Vinh-trị.

ta đã nói theo Tàu ; áo-mũ ta đã mặc theo Tàu, dân-chúng biết lấy ai nương-nhờ ? Ngòi nước biết bao giờ khôi-phục ?

Trời giúp nước ta, đốc sinh ra đức.

Thái-tổ Cao hoàng-đế chúng ta, lấy tài thông-minh, trí, dũng ; làm việc hồi tội, cứu dân. Trong lúc mới cất quân khởi nghĩa : Không dễ cho quan-tước dụ nổi : không dễ cho oai-thể hiếp nổi. Tuy gặp lúc nhiều-nhương, mà lòng càng vững ; trái con cùn-quân mà chí càng hăng. Tới khi tiếng nghĩa đồn dậy, gươm thần vung dùi, mà các dũng-tướng, mưu-thần xúm lại như mây họp ! Tướng võ thì bọn Trịnh Khả, Lê Xi, thường lập được công to. Tướng văn thì bọn Nguyễn Trãi, Văn Linh, hăng bày ra kế giỏi ... Cho nên có thể lấy được ít mà địch được nhiều, lấy yếu mà chống nổi mạnh ! Vả chẳng trong lúc xông-pha hàng trận, không quên nghiên-cứu lược-thao. Có khi đặt mai-phục mà dùng kỳ-binh. Có khi nó định lừa mà ta phản lại ! Tiến quân Vua như chẻ cây nứa ! Phá lũ giặc như bẻ cành khô ! Các tướng bên Minh, dù hùng-hổ như bọn Liễu Thăng, Lương Minh, đều thua trận mà mất đầu ! mưu-trí như bọn Thôi Tự Hoàng Phúc, cũng hết kế mà dương mắt ! Lũ giặc hơn hai mươi năm, quét trừ trong một sớm ! Mặt non sông từ đó đổi mới ! Ánh Nhật, Nguyệt, từ đó lại trong ! Đất-cát lại đất-cát nước Nam ! Nhân-dân lại nhân-dân giống Việt ! Áo-xiêm, phong-tục, lại đúng như xưa ! Nền-nếp, mối-giềng, lại sáng như cũ ! Nhà-vua đã làm xong việc đuổi trừ quân tàn-bạo, lại suy rộng tấm lòng « không ham giết người ». Phàm những quân, tướng người Minh bị bắt, đều cấp thuyền cho đưa về nước, khiến cho hơn mười



vạn người được đội đực tái sinh. Nếu chẳng phải bậc Thần Võ không cần giết người, có sao được thế? Gia-dĩ hiểu đạo giao-hảo láng-giềng, rõ nghĩa tôn-trọng nước lớn. Liền sai sứ-thần, sửa lại việc hòa-hảo cũ. Tổ ra rằng : công-việc thuận trời, giữ nước, nếu chẳng phải bậc người hiểu sâu về nghĩa-y của Thánh-hiền, có dễ được như thế đâu !

Xin xét về đời cổ mà bình-phâm chuyện đó : Vũ-đế nhà Triệu cùng vua Hán đều tự làm vua nước mình, gồm có đất ở ngoài Ngũ-lĩnh, đóng đô ở Phiên-ngu, thật là vua anh-hùng. Thế nhưng chẳng qua cũng là một người Tàu sang cai-trị nước ta, chưa được chính-thống. Vua Tiên-hoàng nhà Đinh, đánh tan mười hai Sứ-quân, thống nhất được bản-đồ, dựng nên nước ta, thực là vua chính-thống. Thế nhưng lỗi vì không cẩn-thận đề-phòng việc nhỏ, gây ra sự chẳng lành, mà nước cũng mất theo. Vua Thái-tổ nhà Lý, nhân vua Ngọa-triệu thất đức, bèn có Thiên-hạ. Nhưng về nghĩa vua, tội, sai, trái danh-phận, không thể không mang thẹn ở trong Trời, Đất ! Vua Thái-tông nhà Trần, nhân vua Chiêu-hoàng quá yếu, bèn chiếm ngôi báu ; nhưng về trong buồng-thê, ở lỗi đạo hằng, không thể không dễ cười mãi đến muôn đời ! Còn Nhà-vua thì từ núi Lam mà khởi nghĩa, giận giặc Tàu mà cất quân. Rút lại có thể lấy nhân mà giết lũ bất nhân ; lấy chính mà đánh phường bất chính ; khôi-phục nước ta sau hồi giặc Minh ; gồm lấy thiên-hạ ở tay người Minh. . . Tới khi mảnh giáp dẹp yên, bốn phương phẳng-lặng, ban lời đại-cáo, đề lên ngôi vua. Được nước như vậy kể rất là chính-dáng. Sách dạy rằng : « Người quân-tử trọng sự ở cho chính ». Lại nói rằng : Bậc

vương-giả trọng sự nhất-thống ». Nhà-vua đã được như thế vậy ! Lại rõ mực-thước trị nước, biết phép tắc truyền nhà, soạn ra sách Thực Lục, bày-tỏ nỗi khó-khăn gây nên vương-nghiệp, để răn-bảo con-cháu đời sau : chớ lấy giàu-sang mà sinh kiêu-xa ; chớ lấy yên-vui mà nhãng phòng-ngừa. Ấy, dựng nghiệp, đề mối là thế ! Kia những việc làm của các vua Triệu, Đinh, Lý, Trần, có sánh bì đâu được một phần muôn ?

Công-đức của Nhà-vua to.tát : đất rộng, trời dài !

Ân-trạch của Nhà-vua thấm.nhuần : non cao, biển cả !

Vậy thì Tông-miếu được bền. Đế-nghiệp được vững, cho đến ức, vạn năm, đều là nhờ ở công, đức của Nhà-vua gây nên vậy. . .

VĂN BIA VĨNH-LĂNG

Ở LAM-SƠN

(Lăng vua Lê Thái-Tổ)

# 藍山永陵碑

維順天六年歲次癸丑閏八月二十二日

太祖高皇帝賓天本年十月廿三日葬于藍山之永陵

帝姓黎諱

右从川 左从禾 曾祖諱

右从每 左从言 清化府人也嘗一日遊藍山見眾鳥羣飛翔繞於藍山之下若衆

人聚會之狀曰此佳處也因徙家若馬三年而產業成子孫日蕃奴隸日眾建邦啟土實基於此焉自

是世為一方 君長 皇祖諱

右从丁 左从彳 克承其家以繼先志有眾至千餘人

皇祖妣阮氏最有

賢行生二子長曰徙次曰

右从廣 左从日 帝之

皇考也

恒悌慈祥休休樂善好養有容鄰境之民視

同一家是以人莫不感其恩而服其義也

皇妣鄭氏諱

上从艸 下从君 勤於婦道閨門和睦家日益昌生

三子伯曰學仲曰除季則 帝也伯受祖父之傳不幸短命

帝承祖父之業惟謹雖時遭大亂

而志且益堅晦跡山林以稼穡為業由其憤強賊之陵暴尤專心於韜畧之書罄竭家資厚待賓客成

成起集義兵屯洛水上前後數十餘戰皆設伏出奇避銳承弊以寡敵眾以弱制強丙午戰於率峒大

捷遂進圍東都丁未賊援安遠侯柳升領兵十萬由廣西進蹙國公沐晟領兵五萬由雲南進支棧一

戰柳升授首斬賊眾數萬餘級生擒賊將黃福崔聚等三百餘人軍下三萬餘口所獲柳升勅命兵符

送雲南軍沐晟見之舉眾宵潰斬賊生擒不可殫紀時鎮守東關城成山侯王通等先與我軍謀和未

定至是請盟於珥河之上各處鎮守城池俱開門出降凡所擒獲賊人及各城降卒該十餘萬口一皆

放還水路送號艘五百餘艘陸路應付口糧腳力戒嚴軍士秋毫無所犯兩國自是通好北南無事

忙禮哀牢俱入版圖占城閩婆航海修貢 帝宵衣旰食凡六載而國中不治至是崩 順天六

勅諭

翰林院待制臣武文斐奉書

臣阮薦奉

## DỊCH ÂM

Duy Thuận - thiên lục niên, tuế thứ Quý - sửu, nhuận bát nguyệt, nhị thập-nhị nhật.

Thái - tổ Cao hoàng Đế tân thiên. Bản niên thập nguyệt, nhị-thập tam nhật, táng vu Lam - sơn chi Vĩnh-lăng.

Đế tính Lê, húy Lợi. Tăng-tổ húy Hối. Thanh-hóa phủ nhân dã. Thường nhất nhật du Lam-sơn, kiến chúng điều quần phi, tường nhiều ư Lam-sơn chi hạ, nhược chúng nhân tụ hội chi trạng ; viết : « Thủ giai xứ dã ! » Nhân tử gia cư yên. Tam-niên nhi sản-nghiệp thành. Tử-tôn nhật phồn ; nô-lệ nhật chúng. Kiến bang, khái thổ, thực cơ ư thủ yên. Tự thị thế vi nhất phương Quân-trưởng.

Hoàng-tổ húy Đinh, khắc thừa kỳ gia, dĩ kế tiên chi, hữu chúng chi thiên dư nhân.

Hoàng-tổ tử Nguyễn-thị, tởi hữu hiền-hạnh, sinh nhị tử, trưởng viết Tông, thứ viết Khoáng :

Đế chi

Hoàng-khảo dã : khái-đề từ-tượng, hưu-hưu lạc thiện, hiếu dưỡng tân-khách. Lân-cảnh chi dân, thị đồng nhất gia. Thị dĩ nhân mạc bất cảm kỳ ân nhi phục kỳ nghĩa dã.

Hoàng-tỷ Trịnh-thị húy Thương, cần ư phụ đạo. Khuê-môn hòa mục , gia nhật ich xương. Sinh tam tử : bá viết Học, Trọng viết Trừ, quý tặc.

Đế dã. Bá thụ Tổ, Phụ, chi truyền, bất hạnh đoản mệnh.

Đế thừa Tổ, Phụ chi nghiệp duy cần. Tuy thi tao đại-loạn nhi chi thả ich kiên. Hồi tích sơn-lâm, dĩ giá-sắc vi nghiệp. Do kỳ phân cường-tặc chi lăng-bạo vuơ chuyên tâm ư thao-lược chi thư. Khánh-kiệt gia-tư, hậu đãi tân-khách.

Mậu-tuất khởi tập nghĩa binh, đồn Lạc - thủy thượng. Tiền hậu phàm sở phập dư chiến, giai thiết phục, xuất kỳ, tỵ nhuệ, thừa tộ ; dĩ quả địch chúng; dĩ nhược chế cường.

Bình-ngọ chiến ư Tốt-động, đại tiếp, toại tiến vi Đông-đô. Đinh-vy tặc viện An-viễn-hầu Liễu Thăng lĩnh binh thập vạn, do Quảng-tây tiến ; Kiểm-quốc-công Mộc Thạnh, lĩnh binh ngũ vạn do Vân-nam tiến. Chi-lăng nhất chiến, Liễu Thăng thụ tử ; trăm tặc chúng sở vạn dư cấp ; Sinh cầm tặc tướng Hoàng Phúc, Thời Tụ đảng tam bách dư nhân, quân-hạ tam vạn dư khẩu. Sở hoạch Liễu Thăng sắc mệnh, binh phù, tống Vân-nam quân. Mộc Thạnh kiến chi; cử chúng tiêu hội. Trăm quốc sinh cầm, bất khả đàn kỷ. Thời trấn thủ Đông-quan thành, Thành-sơn hầu Vương Thông đảng tiên dử ngã quân giảng hòa vi định, chi thị thỉnh minh ư. Nhị-hà chi thượng. Các xứ trấn thủ thành-trì, câu khai môn xuất hàng. Phàm sở cầm hoạch tặc nhân, cấp các thành hàng tốt, cai thập dư vạn khẩu, nhất giai phóng hoàn. Thủy lộ tống hiệu thuyên ngũ bách du suu. Lục lộ ứng phó khẩu lương, cước lực. Giới trấp quân sĩ, thu-hào

nhất vô sở phạm. Lương quốc tự thị thông hiếu. Bắc Nam vô sự. Mang-lễ, Ai-lao, cầu nhập bản-đồ ; Chiêm-thành, Đờ-bà, hàng hải tu cống.

Để tiêu y hãn thực, phàm lục tải nhi quốc trung đại trị. Chi thị băng.

Thuận-thiên lục niên, Quý-sửu, Thập nguyệt, Cát nhật, Vinh-lộc Đại-phu, Nhập-nội Hành-khiển, Tri Tam Quân sự, thần Nguyễn Trãi phụng Sắc soạn.

Hàn-lâm-viện đãi-chế, thần Vũ văn Phi phụng thư.

## DỊCH NGHĨA

Duy hiệu Thuận-thiên năm thứ sáu, là năm Quý-sử tháng tám nhuận, ngày hai mươi hai, đức Thái-tồ Cao-hoàng đế châu Trời. Tháng mười năm ấy, ngày hai mươi ba, táng ở Vĩnh-lăng thuộc Lam-sơn. Nhà-vua, họ Lê húy Lợi.

Tằng-Tồ húy Hối, là người phủ Thanh-hóa. Từng có một ngày đến chơi Lam-sơn, thấy các chim bay hàng đàn, liệng quanh ở dưới núi Lam-sơn, như về đông người hội-họp ; liền nói rằng : « Chỗ này tốt đây ! » Nhân dời nhà đến ở. Ba năm mà gây nên sản-nghiệp ; con-cháu ngày một đông ; tời - tở ngày một nhiều. Việc dựng nước, mở đất, thực gây nên từ đó. Từ đó đời đời làm chúa một phương,

Hoàng-tổ húy Đính, nổi được nghiệp nhà, đề kế chí người trước, có dân đến hơn nghìn người.

Hoàng-tổ-tỷ họ Nguyễn, rất có nét hiền, sinh hai con : trưởng là Tông, thứ là Khoáng, ấy là.

Hoàng-khảo của

Nhà-vua : hòa-nhã, hiền-lành, vui-vẻ, thích làm việc thiện, chiều-dãi khách-khứa. Dân ở cõi bên, coi cũng như một nhà. Vì thế không ai không cảm ngài vì ơn-đức và phục ngài vì nghĩa-khi.



Hoàng-tử họ Trịnh, húy là Thương, chăm-chỉ đạo đàn-bà ; buông-thả hòa-thuận, nhà ngày càng thịnh. Sinh ba con : cả là Học, giữa là Trừ, út là Nhà-vua. Ông Cả chịu cơ-nghiệp của ông, cha truyền lại, không may ngắn số.

Nhà-vua nổi nghiệp ông, cha, rất là kinh-cần. Tuy gặp thì loạn lớn, mà chỉ càng bền. Lấn dẫu vào núi rừng, chăm nghề cày-cấy. Bởi ngài giận quân giặc cường-bạo lấn-hiếp, nên càng chuyên tâm về các sách thao-lược. Khánh-kiệt của nhà, hậu-đãi khá ch-khứa. . .

Năm Mậu-tuất, bắt đầu họp tập quân-nghĩa, đóng đồn trên sông Lạc-thủy. Trước sau gồm hai mươi mấy trận đánh, đều đặt mai-phục ! dùng kỳ-binh ; lánh quân hăng ; lừa lúc mệt ; lấy ít địch nhiều ; lấy yếu chống mạnh. , .

Năm Bình-ngọ, đánh ở Tốt-động (giò thuộc Hà-đông), được lớn. Bèn tiến lên vây Đông-dô (Hà-nội).

Năm Đinh-vị, quân cứu-viện của giặc là An-viên-hầu Liễu Thăng, đem mười vạn quân từ Quảng-tây tiến sang ; Kiềm-quốc-công là Mộc Thạnh, đem năm vạn quân từ Văn-nam tiến sang. Một trận đánh ở Chi-lãng, Liễu Thăng nộp đầu ; chém quân giặc hơn vài vạn ; bắt sống được tướng giặc là lũ Thôi Tự, Hoàng Phúc hơn ba trăm người ; quân-linh hơn ba vạn miệng. Đem tơ sắc cùng binh-phù bắt được của Liễu Thăng đưa sang cho quân Văn-nam. Mộc Thạnh thấy thế, đem quân dèm trốn. Nào chém đầu, nào bắt sống, không thể xiết chép. Khi ấy trấn-thủ ở thành Đông-quan, là bọn Thành-son-hầu Vương Thông, trước đã cùng quân ta giảng hòa chưa quyết, đến bây giờ xin ra thề ở trên sông Nhị-hà. Các kẻ trấn-thủ thành-tri các nơi, đều mở cửa ra hàng.

Phàm những quân giặc bắt được, cùng lính đầu hàng ở các thành gồm hơn mười vạn miệng, nhất thiết đều tha về. Đường thủy đưa cho hơn năm trăm thuyền hiệu. Đường bộ cấp cho lương ăn cùng phu gánh. Răn-bảo quân-sĩ, may may không xâm-phạm một chút nào. Hai nước từ đó thông sứ hòa-hảo. Nam, Bắc yên việc. Mang-lễ, Ai-Lao, đều vào bản đồ. Chiêm-thành, Đồ-bà, vượt bể đến cống.

Nhà-vua dậy sớm, ăn trưa, gồm sáu năm mà trong nước thịnh-trị. Tới nay bằng

Thuận-thiên năm thứ sáu, Quý-sửu, tháng mười, ngày lành, Vinh-Lộc đại-phu Nhập-nội Hành-khiển, chủ việc Ba Quân, tôi là Nguyễn Trãi phụng

Sắc, soạn.

Hàn-lâm-viện dãi chế tôi là Vũ văn Phỉ  
phụng viết

## B.AT

Cuốn « Lam - sơn thực lục » có phải do tay Nguyễn Trãi viết không ?

Đọc văn bia Vĩnh-lăng, theo bản trường Viên-đông Bác-cổ đã dập dước và in ra, ta thấy đoạn đầu văn bia ấy tức là đoạn đầu cuốn sách này. Văn bia ấy là của Nguyễn Trãi soạn, vậy cuốn sách này tức cũng do Nguyễn Trãi soạn . Một là vì dạng văn rất giống nhau. Hai là vì không có lẽ ông Trãi là một tay văn-hào, phụng sắc viết bia, kẻ cũng là một việc trọng, lại lười mà chép cả đoạn ở một cuốn sách do người khác viết như vậy. Ba là vì trong sách chỉ nhắc đến Nguyễn Trãi về việc giữ giấy tờ trong quân-và viết bài Bình Ngô đại cáo. Còn chỗ nói đến các văn-thần có công giúp Nhà-vua mở nước, thì chỉ kể có Lê văn Linh và Bùi quốc Hưng. Ấy là ông Trãi tự mình khiêm-tốn không dám tự-nhận là hạng khai-quốc nguyên-huân. Nếu người khác viết thì có lẽ nào chỗ đó lại bỏ tên Nguyễn Trãi cho được ?

Vậy thì sao trong lời tựa vua Lê Thái-lỗ lại tự nói là mình viết ? Mà trong lời bình người sau lại cũng nhận là của Nhà-vua viết ? Cái đó không có gì lạ : Nhà-vua sai ông Trãi viết hộ mình, cũng

như viết hộ bài Bình Ngô đại cáo mà thôi. Đọc suốt cuốn sách mà coi, nếu quả vua Lê tự viết, thì dù Ngài hiểu thẳng đến đâu, cũng không tự tán tụng mình đến như thế ! Huống chi Nhà-vua lại không phải người hiểu thẳng. Về việc lấy nước làm vua, một thì rằng : Bản chí cũng muốn yên thân, không có lòng muốn lấy thiên-hạ ; hai thì rằng : Nhờ Tô-tiên nhân đức, trời, đất, phù-hộ, nên mới được thế ! Cho đến dưới bài tựa cũng chỉ xưng mình là Chúa động Lam-sơn, cái hiệu lúc còn làm một vị « lang mừng » nho-nhỏ...

Tiếc rằng sách đã qua tay các quan đời Vĩnh-trị được vua cho phép đem các sách riêng của họ mà bù thêm vào ! Họ bù thêm vào được cái gì ? Được mấy đoạn truyện thì hoang-đường, văn thì dốt-nát, mà tôi đã vạch ra trong khi dịch...

Trừ cái vết nhỏ ấy ra, thì « Lam-sơn thực lục » chính là một hòn ngọc ở trong mỏ sử-liệu nước nhà. Cái giá-trị nó ở chỗ người đương-thời chép việc đương-thời. Đối với các sử-gia, những tài-liệu như thế chẳng phải là dễ kiếm.

Vi lẽ ấy, tôi dịch « Lam-sơn thực lục ».

Đêm Thất-tịch Giáp-thân (1944)

Tại nhà xuất-bản TẤN VIỆT

**BẢO THẦN**

# NHÀ XUẤT - BẢN TÂN VIỆT

sáng-lập năm 1937

với sự hợp-tác của các học-giả và  
nhà-văn danh-tiếng Trung, Nam, Bắc  
đã xuất-bản trên 350 thứ sách chia ra  
làm nhiều loại.

Hiện còn những thứ mới :

## I.— SÁCH GIÁO-KHOA BẬC TRUNG-HỌC

### A.— LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN-DỊCH

- 1.— *Việt-nam sử lược* của Trần trọng Kim (lần thứ năm  
(Nam-Việt 150đ. — Ngoài Nam-Việt 160đ.)
- 2.— *Việt-nam văn phạm* của ba ông :  
Phạm Duy Khiêm Bùi Kỷ và Trần trọng Kim.  
(Lần thứ 7 — in trên giấy trắng — Nam-Việt 55đ. — Các nơi 60đ.)
- 3.— *Quốc-văn cụ-thể* của cụ Ưu-Thiên Bùi Kỷ  
(Lần thứ ba—giá Nam-Việt 42đ.—Các nơi 45đ.)
- 4.— *Việt Thi* của Trần trọng Kim  
(Lần thứ 2 — giá Nam-Việt 42đ.— Các nơi 45đ.)
- 5.— *Đường Thi* của Trần trọng Kim  
(Đang in lần thứ 2.)
- 6.— *Tiểu-học Việt-nam văn-phạm* của Trần trọng Kim, Bùi Kỷ, Nguyễn quang Oánh (in lần thứ ba)  
(Giá 22đ. — Ngoài Nam-Việt 24đ.)
- 7.— *Sơ-học luân-lý* của Trần trọng Kim  
(Giá 23đ. — Ngoài Nam-Việt 26đ.)
- 8.— *Việt-nam thi-văn giảng-luận*  
của Hà như Chi — Giáo-sư trường Quốc-học  
Ngô đình Diệm — Huế.

*Tập I* (Từ khởi-thủy đến cuối thế-kỷ 18). Gồm có những luận-đề về : Ca-dao và Tục-ngữ Truyện Trinh thử — Truyện Trê Cóc — Nguyễn Trãi — Vua Lê Thánh-tông — Nguyễn bỉnh Khiêm — Nguyễn Hăng — Lê qui Đôn — Đoàn thị Điểm — Ôn như hầu — Nguyễn huy Tự — Lê thị Ngọc Hân.

(Dùng trong các lớp Đệ-ngũ  
và Đệ-tam bậc Trung-học).

(Đang in — lần thứ 3.)

9.— *Việt-nam thi-vấn giảng-luận*

*Tập II* (Thế-kỷ thứ 19). Gồm có những luận-đề về : Nguyễn Du — Hồ xuân Hương — Bà huyện Thanh-quan — Nguyễn công Trừ — Cao bá Quát — Cao bá Nhạ — Phan huy Vịnh — Nguyễn đình Chiểu — Tôn t hợ Tường — Chu mạnh Trinh — Nguyễn Khuyến và Trần tế Xương.

(Dùng trong các lớp Đệ-tứ  
và Đệ-nhi bậc Trung-Học)

(In lần thứ hai — Giá Nam Việt 120đ. — các nơi 130đ.)

10.— *Việt-nam vấn-học giảng-bình* của Phạm văn Diêu (giáo-sư trường Trung-học Khải-Định — Huế).

Một khoa-bản đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học-sinh Đệ-tứ và Đệ-nhi chuyên khoa.

(Giá 50đ. — Ngoài Nam Việt 55đ.)

**B.— LOẠI CỔ VẤN CHÚ-THÍCH**

- 1.— *Truyện Thúy Kiều* của Nguyễn Du do Bùi Kỷ và Trần trọng Kim hiệu-khảo (in trên giấy trắng giá N.V 55đ. — Các nơi 60đ.)
- 2.— *Truyện Hoa Tiên* của Nguyễn huy Tự do cụ Tôn thất Lương chú-thích. (Đang in lần thứ 2.)
- 3.— *Chinh-phụ ngâm khúc* của Đoàn thị Điểm do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ ba) (Giá N.V. 32đ. — Các nơi 35đ.)

- 4.— *Cung-oán ngâm khúc*  
do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ tư)  
(Giá N. V. 16đ. — Các nơi 17đ.)
- 5.— *Lục Vân Tiên* của Nguyễn đình Chiểu, sửa  
đúng theo bản P. J. B Trương vĩnh Ký phát  
hành năm 1889 - có thêm phần chú-thích.  
(Đang in lần thứ 4).
- 6.— *Truyện Tré Cóc*  
do cụ Bùi Kỳ hiệu-định (in lần thứ ba trên  
giấy trắng)  
(Giá N.V. 12đ. — Các nơi 13đ.)
- 7.— *Truyện Trinh thứ*  
do cụ Bùi Kỳ hiệu-định (in lần thứ ba)  
(Giá N.V. 12đ. — Các nơi 13đ.)
- 8.— *Lục súc tranh công*  
do cụ Bùi Kỳ hiệu-định (in lần thứ ba)  
(Giá 6đ. — Ngoài Nam-Việt 7đ.)
- 9.— *Truyện Phan Trần* do Thi-Nham chú-thích  
(Đang in lần thứ 3.)
- 10.— *Nguyễn Cư Trinh* với quyền *Sãi Vãi* do hai ông  
Lê ngọc Trụ và Phạm văn Luật chú-thích và  
dẫn-giải.  
(Giá 20đ. — Ngoài Nam Việt 22đ.)
- 11.— *Hoa Điều tranh năng*  
do cụ Bùi Kỳ hiệu-định.  
(Giá 5đ. — Ngoài Nam Việt 6đ.)
- 12.— *Hạnh Thực Ca* của Nguyễn nhược Thị  
do cụ Trần trọng Kim phiên dịch và chú-thích.  
(Giá 9đ. — Ngoài Nam Việt 10đ )
- 13.— *Ngư Tiều vấn đáp Y-thuật* của cụ ĐỒ CHIỀU  
(tác-giả Lục Vân Tiên) do Phan văn Hùm  
hiệu-định và chú-thích — Nhượng Tống tặng-  
bình bổ-chú.  
(Giá Nam Việt 60đ. — Các nơi 65đ.)

- 14.— *Nhị Độ Mai* do Thi-Nham đính-chính và chú-thích.  
(Đang in lần thứ 3)
- 15.— *Bích-câu kỳ ngộ* do Thi-Nham đính-chính và chú-thích.  
(Đang in lần thứ 3)
- 16.— *Nữ Tú-tài* và *Bần-nữ thân* do Thi-Nham chú-thích.  
(Giá 16đ. — Ngoài Nam Việt 17đ.)
- 17.— *Gia-huấn Ca* do Thi-Nham chú-thích.  
(Đang in lần thứ 3)
- 18.— *Nhị thập.từ hiếu* do Cao huy Giu chú-thích.  
(Lần thứ hai Giá N. V. 12đ.—các nơi 13đ.)
- 19.— *Quan Âm thị kính* do Thi-Nham chú-thích.  
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)

## II.— SÁCH GIÁO-KHOA QUỐC-TẾ

*Mới có bán*

**Thăng người gỗ** tức là quyển « *Les Aventures de Pinnocchio* ». Bản dịch của Bửu-Kế.

*Được giải nhất cuộc thi tiểu-thuyết của Hội phụ huynh học-sinh Việt-nam.*

Họa-sĩ Mạnh Quỳnh minh-họa. Ấn-loát : 36 hình màu, 17 hình đen. Bia in Offset 4 màu.

(Giá Nam-Việt 36đ. — Các nơi 39đ.)

## III.— SÁCH KHẢO CỨU

- 1.— *Vương Dương Minh* của Đào trinh Nhất  
(Giá 32đ. — Nam Việt 36đ.)
- 2.— *Việt sử giai thoại* của Đào trinh Nhất  
(Giá 20đ. — Ngoài Nam Việt 23đ.)



- 3.— *Tinh-thần khoa-học* của Nguyễn văn Tài  
(Giải-thưởng Gia-Long năm 1943)  
Giá 17đ, — Ngoài Nam Việt 19đ.
- 4.— *Phật giáo* của cụ Trần trọng Kim  
(Giá 18đ. — Ngoài Nam Việt 20đ.)
- 4.— *Phật-giáo thừa xưa và Phật-giáo ngày nay*  
của cụ Trần trọng Kim.  
(Giá 13đ. — Ngoài Nam Việt 14đ.)
- 6.— *Nho-giáo* (Quyền thượng)  
của cụ Trần trọng Kim  
(Giá 80đ. — Ngoài Nam Việt 90đ.)

**Sắp có bán**

*Nho-giáo* (quyền hạ) của cụ Trần trọng Kim.

**IV GIÓ BỐN PHƯƠNG**

- 1.— *Trên đường giải phóng* của nhà văn hào Cao-ly  
Younghill Kang — Bản dịch của Phạm trọng  
Nhân.  
(Giá 42đ. — Ngoài Nam Việt 45đ.)
- 2.— *Mái Tây* (Tây Sương ký)  
một trong lục tài-tử của Tàu, Áng văn dịch  
bắt hủ của Nhượng Tống.  
(Giá 55đ. — Ngoài Nam Việt 60đ.)]

**V.— THI-NHÂN VIỆT-NAM**

- 1.— *Hàn Mạc Tử* — khảo-cứu của Trần thanh Mại  
(Giá 32đ. — Ngoài Nam Việt 34đ.)

**VI.— TRUYỆN CỔ VIỆT-NAM**

- 1.— *Truyền-kỳ mạn lục* (toàn tập)  
Tập truyện cổ Việt-nam mà cụ Vũ khám Lân  
đã cho là một « Thiên cổ kỳ bút »

Bản dịch của Trúc Khê — Ngô văn Triện :  
(Giá 40đ. — Ngoài Nam Việt 43đ.)

2. — *Lam-sơn thực lục*

tức là

Truyện Lê Thái-Tổ khởi nghĩa ở Lam-Sơn do Nguyễn-Trãi viết và chính tay Lê Thái-tổ đề tựa.  
Bản dịch của Mạc Bảo-Thần.

(Giá Nam Việt 24đ. — Các nơi 26đ.)

VII. — SÁCH GIÁO-KHOA BẬC TIÊU-HỌC

(Soạn đúng theo chương-trình mới của)

Bộ Quốc-gia giáo-dục)

Đã có bán :

**VIỆT-SỬ**

lớp Ba 18đ. lớp Nhì 20đ. lớp Nhất 15đ.

Quốc-văn toàn thư : các lớp Nhất, Nhì, Ba, Tư.

Đang in :

**QUAN SÁT**

*Lớp Ba*

do Ty giáo-huấn tỉnh Gia-định biên-soạn.

LAM-SON thực lục xuất-  
bản lần thứ ba do nhà  
TÂN-VIỆT — in xong ngày  
10-7-1956 tại nhà in riêng  
của nhà xuất-bản TÂN-  
VIỆT Giấy phép số 1350  
của nha Thông-Tin N-V